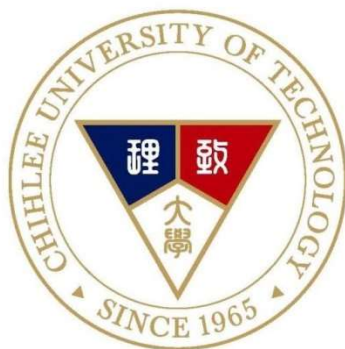


致理科技大學

Đại học Khoa học Công nghệ Chihlee
Chihlee University of Technology



**2025 年休閒遊憩管理系
產學合作國際專班（四年制學士班）
招生簡章**

**Hướng dẫn kỳ tuyển sinh mùa thu năm 2025
Khoa Quản lý du lịch sinh thái và giải trí
Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế（Hệ đại học 4 năm）**

**2025 Application for the International Program of
Industry-Academia Collaboration in
Leisure and Recreation Management (4-year
Bachelor's Program)**

校址： Địa chỉ School address:	220305 中華民國台灣新北市板橋區文化路1段313號 Số 313, Đoạn 1, Đường Văn Hóa, Quận Bán Kiều, Thành phố Tân Bắc 220305, Đài Loan R.O.C. No. 313, Sec. 1, Wenhua Rd., Banqiao Dist., New Taipei City 220305, Taiwan (R.O.C.)
網址/Website：	http://www.chihlee.edu.tw
服務電話/TEL：	+886-2-2257-6167 ext.1315
傳真電話/FAX：	+886-2-22588518

致理科技大學產學合作國際專班招生委員會 編印

Biên soạn bởi Hội đồng tuyển sinh lớp Chuyên ban quốc tế hợp tác doanh nghiệp trường đại học Khoa học Công nghệ Chihlee

Printed by the Admissions Committee of the International Program of Industry-Academia Collaboration, Chihlee University of Technology

**2025年致理科技大學產學合作國際專班學生申請入學
重要日程表**

**Bảng lịch trình quan trọng cho sinh viên Chuyên ban hợp tác quốc tế đăng ký
nhập học tại Trường Đại học Khoa học Công nghệ Chihlee năm 2025**

**2025 Calendar for Foreign Student Application,
Chihlee University of Technology**

【2025年9月入學】重要工作日程表 Lịch trình đăng ký 【Nhập học vào tháng 9 năm 2025】 kỳ học mùa thu Application Process for Fall Semester, 2025 (September entry)	
項目 Các hạng mục Item	日期 Ngày tháng Date
報名繳件截止日 Hạn nhận hồ sơ đăng ký Submission deadline	自即日起至2025年7月28日止 Từ nay đến ngày 28 tháng 7 năm 2025, From now until July 28, 2025
面試日期（暫定） Lịch phỏng vấn (dự kiến) Interview date (tentative)	2025年7月29日 Ngày 29 tháng 7 năm 2025 July 29 2025
寄發錄取通知單、入學通知書 Gửi thông báo nhập học/ Sending acceptance notice and admission letter	2025年8月20日前 Trước ngày 20 tháng 8 năm 2025 Before August 20, 2025
註冊入學 Nhập học Enrollment	2025年9月中旬 Giữa tháng 9 năm 2025 Mid-September, 2025

本校外國學生申請入學事宜【國際暨兩岸交流處國際合作中心】

Sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học tại [Trung tâm hợp tác quốc tế] của trường.

**Application for admission of foreign students (International Cooperation Center, Division of
International and Cross-Strait Affairs)**

電話 Điện thoại Telephone : +886-2-22580500 ; +886-2-22576167 ext.1315

E-mail : s203@mail.chihlee.edu.tw

網址 Địa chỉ web Website : <https://ct100.chihlee.edu.tw/p/403-1011-459.php>

外交部領事事務局（簽證與其他相關業務）

Bộ Ngoại giao (Visa và các thủ tục liên quan khác)

Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs (Visa and other related business)

電話 Điện thoại Telephone : +886-2-23432888

網址 Địa chỉ web Website : <http://www.boca.gov.tw>

申請流程 Lưu trình đăng ký Application Process

步驟 Các bước Steps	說明 Diễn giải Instructions
(一) 確定申請系別 Xác định điều kiện xin học và khoa xin học. Determining eligibility and major	● 招生系別，休閒遊憩管理系。 Khoa tuyển sinh, khoa Quản lý du lịch sinh thái và giải trí Please see this brochure for admission information of the Department of Leisure and Recreation Management. ● 請至本校網頁查詢課程、師資等相關資料。 Vui lòng vào địa chỉ web của trường để tra cứu các môn học và các tài liệu liên quan v.v... Please visit our website for information about our courses, etc. 網址 Website : https://englishweb.chihlee.edu.tw/p/412-1026-3183.php?Lang=zh-cn
(二) 填寫入學申請表文件 Điền mẫu đơn để xin nhập học Completing application forms	詳見本簡章申請表件，第18至23頁 Vui lòng xem mẫu đơn tại bản hướng dẫn này, trang 18-23 Please see the application forms in this brochure, p. 18-23
(三) 申請作業 Gửi hồ sơ xin đăng ký học Mailing application forms	● 網路填報 Điền vào mẫu trực tuyến Apply online https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVRM/stuVRM.aspx  ● 相關文件寄送至: s203@mail.chihlee.edu.tw信箱 Hồ sơ gửi qua mail: s203@mail.chihlee.edu.tw Email application materials to: s203@mail.chihlee.edu.tw

	● 收到申請表件時，將以電子郵件方式通知申請人。 Khi nhận được hồ sơ xin đăng ký tuyển sinh, Trung tâm hợp tác quốc tế sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng hình thức gửi qua mail. Upon receipt of the application forms, we will notify the applicant by email.
(四) 審查資格及書面資料 Xét duyệt hồ sơ và điều kiện đăng ký tuyển sinh Qualifications and paper review	● 資料不齊全，一律不予受理，特殊情形除外。 Khi hồ sơ không đầy đủ thì sẽ không thụ lý ngoại trừ trường hợp đặc biệt. When the information is not complete, nothing will not be processed, except for special cases. ● 申請表件檢核後，國際處國際合作中心負責申請資格審查，休閒遊憩管理系負責書面資料審查與面試，最後經本校「產學合作國際專班招生委員會」審議錄取名單。 Sau khi tổng hợp hồ sơ đăng ký, Trung tâm hợp tác quốc tế sẽ tiến hành kiểm tra điều kiện đăng ký học trước, sau đó gửi đến khoa quản lý du lịch sinh thái xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn, cuối cùng là do “Hội đồng tuyển sinh sinh viên Chuyên ban hợp tác quốc tế” hội ý quyết định đưa ra danh sách trúng tuyển. After the application forms are compiled, the International Cooperation Center, Division of International and Cross-Strait Affairs, will first examine the qualifications of the applicants, then send them to the Department of Leisure and Recreation Management for paper review and interview, and finally the admission list will be decided by the “Admissions Committee of the International Program of Industry-Academia Collaboration”.

(五) 公告錄取名單 Thông báo danh sách trúng tuyển Notification of assessment result	1. 網站公告 Công khai trên website http://www.chihlee.edu.tw Website announcement http://www.chihlee.edu.tw 2. 電子郵件通知 Gửi mail email 3. 書面通知 Thông báo bằng văn bản Written notice
---	---

目錄 Contents Mục lục

壹、招生依據 Cơ sở tuyển sinh / Basis for admission.....	1
貳、申請資格 Điều kiện xin đăng ký tuyển sinh / Eligibility.....	1
參、招生系別及名額 Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh / Departments and Quota	6
肆、修業年限 Thời gian học / Length of Study.....	7
伍、申請期限 Thời gian nộp hồ sơ / Application Deadline.....	8
陸、申請應繳交文件 Các giấy tờ cần thiết để nộp hồ sơ / Application Documents Required..	8
柒、成績評核與錄取 Cách thức tính điểm trúng tuyển / Assessment and Admission.....	9
捌、報到 Đăng ký nhập học / Registration.....	11
玖、學雜費收費標準、獎助學金及退費標準 Tiêu chuẩn thu phí, học bổng và tiêu chuẩn hoàn trả / Tuition and Fees, Scholarships, and Refund Criteria.....	11
拾、申訴辦法 Quy định về việc gửi đơn kiện / Complaint.....	13
拾壹、注意事項 Hạng mục chú ý / Note.....	14
拾貳、附註 Ghi chú / Special Note.....	15
附件一 申請注意事項 Những điều cần lưu ý khi xin học / Application Instructions.....	16
附件二 自傳及讀書計畫 Bản tự thuật và kế hoạch học tập / Autobiography and Study Plan	18
附件三 切結書 Giấy cam kết/ Declaration.....	19
附件四 健康檢查證明應檢查項目表 Giấy kiểm tra sức khỏe / Items Required For Health Certificate.....	21
附件五 致理科技大學外國學生申請入學規定 Quy định nhập học đối với sinh viên nước ngoài của Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Chihlee / Regulations Regarding International Students Applying for Admissions.....	24
附件六 考生申訴書 Đơn khiếu nại / Complaint Form.....	45

壹、招生依據 Cơ sở tuyển sinh / Basis for admission

依據教育部 114 年 7 月 9 日臺教技(四)字第 1142301623 號函核定。

Căn cứ vào công văn ngày 7 tháng 9 năm 2025, số 1142301623 của Bộ Giáo dục Đài Loan, lập ra lưu trình này.

The brochure is formulated in accordance with the letter No. 1142301623, dated July 9, 2025.

貳、申請資格 / Điều kiện đăng ký tuyển sinh / Eligibility

一、具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

Những người có quốc tịch nước ngoài và chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, khi đăng ký tuyển sinh không phải là sinh viên học sinh Hoa kiều.

An individual of foreign nationality, who has never held nationality status from the Republic of China (R.O.C.) and who does not possess overseas Chinese student status at the time of their application, is qualified.

二、具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外六年以上者：

Người có quốc tịch nước ngoài đồng thời phù hợp với các điều kiện dưới đây, khi đăng ký tuyển sinh đã liên tiếp lưu trú ở nước ngoài (không phải ở Đài Loan) 6 năm trở lên :

An individual of foreign nationality, pursuant to the following requirements and who has resided overseas continuously for no less than 6 years is also qualified.

(一) 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

Những người có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc và chưa từng có hộ tịch tại Đài Loan tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký.

An individual who also is a national of the R.O.C., but does not hold or has had a household registration in Taiwan.

(二) 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

Trước khi nộp đơn đã từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc nhưng lúc nộp đơn đã không còn quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, Bộ Nội chính cho phép nộp đơn khi đã đủ 8 năm tính từ ngày mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc đến ngày nộp đơn.

An individual of foreign nationality who was also a national of the R.O.C. but has no R.O.C. nationality at the time of their application shall have an annulled status regarding their R.O.C. nationality for no less than 8 years after an annulment of R.O.C. nationality by the Ministry of the Interior.

- (三) 前二項均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

Những người thuộc 2 mục trên nhưng chưa từng sử dụng điều kiện tuyển sinh theo diện học sinh Hoa kiều du học tại Đài Loan, đồng thời không nhận sự phân phát tuyển sinh của Hội liên hiệp tuyển sinh ngay năm xin đăng ký tuyển sinh.

Regarding individuals mentioned in the preceding 2 subparagraphs, they must not have studied in Taiwan as an overseas Chinese student nor received placement permission during the same academic year of the application by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students.

- (四) 本項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期(八月一日)為終日計算之。

6 năm, 8 năm được nhắc đến ở đây là lấy từ ngày bắt đầu của một học kỳ (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) làm ngày cuối cùng để tính.

The six-year/eight-year calculation period as prescribed in Paragraph 2 shall be calculated from the starting date of the semester (February 1st or August 1st) as the designated due date for the time of study.

- (五) 本項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每歷年在國內停留期間未逾一百二十日。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：

Người nước ngoài được nhắc đến ở đây là để chỉ những quốc gia hoặc khu vực khác ngoài Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Macao;

"Cư trú liên tục" có nghĩa là thời gian lưu trú tại Đài Loan mỗi năm của người đăng ký tuyển sinh chưa vượt quá 120 ngày. Tuy nhiên, những người thuộc một trong những trường hợp sau đây và có các tài liệu chứng minh, thì không thuộc giới hạn này; Thời gian lưu trú ở Đài Loan không được tính là thời gian cư trú ở nước ngoài:

The term "overseas" as prescribed in Paragraph 2 is limited to countries or regions other than Mainland China, Hong Kong and Macau; the term "reside overseas continuously" means that an individual may stay in

Taiwan for no more than a total of 120 days per calendar year. The only exceptions to this method of calculation are for those who fulfill one of the following requirements with written supported proof; and the said domestic length of stay shall be excluded from the overseas length of residency:

1.就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

Văn bản chứng minh tham gia lớp đào tạo kỹ thuật dành cho thanh niên ở nước ngoài do Hội hoa kiều tổ chức hoặc lớp đào tạo chuyên ban kỹ thuật được Bộ Giáo dục Đài Loan công nhận.

Attended overseas youth training courses organized by the Overseas Compatriot Affairs Council or technical training classes accredited by the Ministry of Education (MOE);

2.就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。

Văn bản chứng minh học tại trung tâm ngôn ngữ tiếng Hoa của các trường cao đẳng và đại học được Bộ Giáo dục Đài Loan phê duyệt cho tuyển sinh sinh viên nước ngoài chưa đầy 2 năm.

Attended a Mandarin Chinese language center at a university / college of which foreign student recruitment is approved by the MOE, and to which the total length of stay is less than 2 years;

3.交換學生，其交換期間合計未滿二年。

Sinh viên trao đổi, tổng thời gian trao đổi chưa đầy 2 năm.

Exchange students, whose length of total exchange is less than 2 years.

4.經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

Thông qua Cơ quan chính phủ trung ương đến Đài Loan thực tập và tổng thời gian thực tập là chưa đầy 2 năm.

An Internship in Taiwan which has been approved by an authorized central government agency, to which the total length of stay is less than 2 years.

三、依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。

Căn cứ vào hiệp định hợp tác giáo dục, do chính phủ, cơ quan hoặc trường học nước ngoài tuyển chọn và tiến cử đến Đài Loan du học, những người từ trước

tới nay không có hộ tịch Đài Loan, do chủ quản Cơ quan hành chính giáo dục phê duyệt thì không bị hạn chế bởi hai quy định trên.

According to the Education Cooperation Framework Agreement, a foreign national selected by a foreign government, organization, or school, and does not hold a household registration from the time of their birth is not subject to the limitations as prescribed in the preceding 2 paragraphs after receiving the approval from the authorized educational government agencies.

- 四、具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於教育部「外國學生來臺就學辦法」100年2月1日修正施行前已提出申請喪失中華民國國籍者，得依原規定申請入學，不受第二項規定之限制。

Những người có quốc tịch nước ngoài đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, trước ngày 1 tháng 2 năm 2011 chỉnh sửa và thực thi 「Quy định sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan」 nộp đơn báo mất quốc tịch Trung Hoa Dân quốc thì dựa vào quy định ban đầu để xin đăng ký tuyển sinh, không bị hạn chế bởi quy định ở mục hai.

An individual, who has both foreign and R.O.C. nationalities and has applied for an annulment of their R.O.C. nationality before February 1, 2011, the effective date of the amendment to Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan, is qualified to apply for admission as an international student and will not be subject to the limitation as prescribed in Paragraph 2.

- 五、學歷資格：經教育部認可之國外公立或已立案之私立高中職以上學校畢業者。

Điều kiện về học lực: Những người tốt nghiệp các trường trung học tư lập hoặc công lập ở nước ngoài trở lên được Bộ giáo dục công nhận.

Degree Qualifications: For the 4-Year Undergraduate Degree Programs, applicants to any 4-year bachelor degree programs must hold a valid senior high school diploma recognized by the R.O.C.

- 六、年齡滿 18 至 24 歲。
Tuổi từ 18 đến 24.
18 to 24 years of age.

附註：1. 申請資格依致理科技大學外國學生申請入學規定辦理，簡章附件 5，第 24 頁。

Chú ý: Điều kiện tuyển sinh do nhà trường quy định cho sinh viên nước ngoài đăng ký tuyển sinh, trang 26.

Note : The application requirements conform to the rules stated in the Chihlee

University of Technology (CLUT) Regulations for International Student Admission, p. 26.

2. 本校課程以中文授課為主。

Chương trình học của nhà trường chủ yếu là giáo trình tiếng trung.

Most lectures are conducted in Mandarin.

叁、招生系別、名額

Ngành học và chỉ tiêu tuyển sinh

Departments and Quota

編號 STT Serial Numb er	學院 Học viện College	系別 Khoa Department	名額 Chỉ tiêu Quota	備註 Chú ý Notes
1	商務管理學院 Học viện quản trị kinh doanh và dịch vụ College of Business Management	休閒遊憩管理系 Khoa quản lý du lịch sinh thái và giải trí Department of Leisure and Recreation Management	40	※課程以中文授課為主，申請人須具備基本中文聽說讀寫能力。 Chương trình học chủ yếu là dạy bằng tiếng Trung, sinh viên đăng ký tuyển sinh phải có năng lực nghe nói đọc viết tiếng Trung cơ bản. Courses are mainly taught in Chinese, and applicants must have basic Chinese language skills in listening, speaking, reading and writing.
合計 Tổng Total			40	

※專班修業規定 Quy định học tập lớp chuyên ban :

1. 總畢業學分數至少 128 學分，其中通識課程 32 學分，系訂專業必修 46 學分，系訂專業選修至少 50 學分。另於就學期間應取得華語文測驗 B2 級以上，方可取得畢業證書。

Tổng tín chỉ tốt nghiệp ít nhất là 128 tín chỉ, trong đó môn học chung chiếm 32 tín chỉ, môn chuyên ngành bắt buộc chiếm 46 tín chỉ, môn chuyên ngành tự chọn ít nhất là 50 tín chỉ. Ngoài ra trước khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hoa TOCFL B2 làm điều kiện xét duyệt tốt nghiệp.

The total number of credits to be graduated is at least 128, including 32 credits of general education courses, 46 credits of departmental required courses, and at least 50 credits of departmental elective courses. In addition, students should reach a B2 level or higher in TOCFL during their study in order to obtain a graduation certificate.

2. 每學期至少修業學分上下限：第 1 學年 20~23 學分，第 2 學年 17~22 學分，第

3 學年 16~22 學分，第 4 學年每學期 9~22 學分。

Giới hạn số tín chỉ ít nhất cho mỗi học kỳ: Năm học đầu 20~23 tín chỉ, năm học thứ hai 17~22 tín chỉ, năm học thứ ba 16~22 tín chỉ, năm học thứ tư 9~22 tín chỉ.

The number of credits taken per semester: 20-23 credits per semester in the 1st, 17-22 credits per semester in the 2nd academic year, 16-22 credits per semester in the 3rd academic year, and 9-22 credits per semester in the 4th academic year.

3. 應修基礎通識華語相關課程 18 學分(包含基礎華語文 6 學分、口語溝通 4 學分、華語文說寫 4 學分、華語文閱讀 4 學分)。英文 6 學分、運動與健康 4 學分、核心通識(生涯規劃與發展 2 學分、人際關係與溝通 2 學分)。

Lớp chuyên ban quốc tế học các môn học tiếng Trung cơ bản 18 tín chỉ (bao gồm tiếng hoa cơ bản 6 tín chỉ, khẩu ngữ tiếng Hoa 4 tín chỉ, nói và viết tiếng Hoa 4 tín chỉ, đọc hiểu tiếng Hoa 4 tín chỉ). Tiếng anh 6 tín chỉ, thể dục 4 tín chỉ, kiến thức cốt lõi (Phát triển và quy hoạch cuộc sống 2 tín chỉ, quan hệ giao tiếp 2 tín chỉ).

Students of the international program should take 18 credits of basic Mandarin-related courses (including 6 credits of basic Mandarin, 4 credits of oral communication, 4 credits of Mandarin speaking and writing, and 4 credits of Mandarin reading). English 6 credits, Sports and Health 4 credits, and Core Liberal (Career Planning and Development 2 credits, Interpersonal Relations and Communication 2 credits).

4. 修習「休閒遊憩管理系」或他系課程時，不得重複修習已修習過之課程或未來系上規劃之課程，否則該課程不予認列學分數。

Khi học tập tại 「Khoa quản lý du lịch sinh thái và giải trí」 hoặc các ngành học khác, không được học lại các môn học đã học hoặc các môn học thuộc kế hoạch chương trình trong tương lai của khoa, nếu không môn học này sẽ không được tính vào tổng tín chỉ.

When taking courses in the Department of Leisure and Recreation Management or other departments, students may not repeat courses already taken or courses scheduled for future studeis; otherwise, no credit will be given for the course.

5. 應修科目表因應「休閒遊憩管理系」系務發展及合作廠商之需，得依據本校課程規劃流程修正。

Bảng các môn học của 「Khoa quản lý du lịch sinh thái và giải trí」 đáp ứng sự phát triển của khoa và các doanh nghiệp hợp tác, và phải được dựa vào lưu trình hoạch định chương trình môn học của nhà trường để chỉnh sửa.

This list of subjects to be taken is based on the development of the Department of Leisure and Recreation Management and the needs of our partners, and may be revised according to our curriculum design.

肆、修業年限

依據本校學則規定，外國學生修習四年制學士班者，修業年限以四年為原則，畢業

學分數 128 學分。

Thời gian học

Theo quy định của nhà trường, sinh viên nước ngoài học chương trình đại học 4 năm, thời gian học quy định là 4 năm, tổng số tín chỉ tốt nghiệp là 128 tín chỉ.

Length of Study

According to CLUT regulations on academic programs, the length of study for students who pursue a 4-year Bachelor's Program is within 4 years.

伍、申請期限

自即日起至 2025 年 7 月 28 日止受理申請，將填妥之入學申請表及相關資料寄至本校信箱：s203@mail.chihlee.edu.tw

Thời gian đăng ký

Nhận đơn đăng ký tuyển sinh từ nay đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2025. Điền đầy đủ đơn xin đăng ký tuyển sinh và các tài liệu liên quan và gửi đến địa chỉ mail s203@mail.chihlee.edu.tw

Application Deadline

Applications will be processed from now until July 28, 2025. Email application form and materials to s203@mail.chihlee.edu.tw.

陸、申請應繳交文件

一、入學申請表，連結：

<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>

二、6 個月內 2 吋半身脫帽近照。

三、最高學歷或同等學力證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。

四、簡要中文或英文自傳及讀書計畫，附件二，第 18 頁。

五、切結書，附件三，第 19。

六、最近 3 個月內之健康證明書（包括人類免疫缺乏病毒有關檢查）附件四，第 21 頁。

七、財力證明書：申請生須提供足夠在臺就學之財力證明。已獲獎助學金者，請提供政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。自費生，需檢附銀行存款證明新臺幣 10 萬元以上（約美金 3,000 元）。

八、護照影本（有姓名及國籍之頁面）。

九、中文能力程度證明（「華語文能力測驗」《TOCFL》）。

十、中、英文推薦書（請儘可能提供）。

Những giấy tờ cần nộp để xin học

1. Đơn xin nhập học, đường link :

<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>

2. Ảnh thẻ 2 inch, không đội mũ gần đây được chụp trong vòng 6 tháng.

3. Văn bằng học lực cao nhất hoặc giấy tờ chứng minh học lực tương đương và thành tích học tập (Nếu không phải tiếng anh hoặc tiếng trung, thì phải có bản dịch sang tiếng trung)

- hoặc tiếng anh đi kèm).
4. Kế hoạch học tập và bản tự thuật, viết bằng tiếng Hoa hoặc tiếng Anh, phụ lục 2, trang 18.
 5. Giấy cam kết, phụ lục 3, trang 19.
 6. Giấy khám sức khỏe trong 3 tháng gần nhất (Bao gồm các xét nghiệm liên quan đến suy giảm miễn dịch ở người) , phụ lục 4, trang 21.
 7. Chứng minh tài chính đủ để học tập tại Đài Loan, hoặc chứng nhận học bổng chính phủ, trường đại học hoặc tổ chức tư nhân cung cấp học bổng toàn phần. Sinh viên tự túc phải nộp chứng nhận tiền gửi ngân hàng ít nhất 100.000 Đài tệ (3.000 USD).
 8. Bản sao hộ chiếu (Trang có họ tên và quốc tịch)
 9. Chứng minh trình độ năng lực tiếng hoa (「 Kỳ thi năng lực Hoa ngữ 」 《 TOCFL 》) .
 10. Thư giới thiệu bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh (Nếu có, vui lòng cung cấp)

Application Documents Required

1. The completed application forms, link :
<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>
2. 2 recent (6 months) passport-style photographs.
3. One photo copy of the applicant's highest education diploma and one original official transcript of the highest education diploma notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. (if written in a language other than Chinese and English, these should be translated into Chinese or English and notarized.)
4. A brief autobiography and study plan in Chinese or English, (appendix 2, p. 18).
5. Declaration, (appendix 3, p. 19).
6. Health certificate of the recent 3 months (including related HIV tests), (appendix 4, p. 21).
7. Financial proof: Applicants must submit financial affidavit to study in Taiwan. For those who have received scholarships, please provide proof of full scholarships from the government, universities, colleges, or private organizations. For self-funded students, please provide bank statement of at least NT\$100,000 (US\$3,000).
8. Photo copy of passport (including pages confirming name and nationality).
9. Certificate of Chinese language proficiency (Test of Chinese as a Foreign Language, TOCFL).
10. Letters of recommendation in Chinese and English (Please provide, if possible).

柒、成績評核與錄取

Cách thức tính điểm trúng tuyển

Assessment and Admission

一、計分項目：Hạng mục tính điểm Scoring items

評分項目 Hạng mục tính điểm Scoring items	配分 Điểm Score	配分 比例 Tỷ lệ Ratio	備註 Chú thích Remark
1. 書面資料審查	100 分	50%	(1) 自傳 (15%、必繳)

Xét duyệt hồ sơ Paper review	100 điểm		Tự thuật (15%、bắt buộc) Autobiography (15%、Required) (2) 讀書計畫 (15%、必繳) Kế hoạch học tập (15%、bắt buộc) Study plan (15%、Required) (3) 中文能力檢定 (10%、選繳) Chứng chỉ tiếng Hoa TOCFL (10%、tự chọn) TOCFL (10%、Optional) (4) 競賽、獲獎 (5%、選繳) Bằng khen (5%、tự chọn) Competitions and awards (5%、Optional) (5) 社團、幹部證明 (5%、選繳) Chứng nhận hoạt động xã hội (5%、tự chọn) Clubs, certifications (5%、Optional)
2.面試 Phỏng vấn Interview (含中文表達能力) (bao gồm năng lực biểu đạt tiếng Hoa) (including Chinese expression ability)	100 分 100 điểm	50%	(1) 中文表達能力 40% Năng lực biểu đạt tiếng Hoa 40% Chinese expression ability 40% (2) 專業應用能力 10% Năng lực ứng dụng chuyên ngành 10% Professional application capability:10%

二、學生實得總分數相同時，同分比序項目順序如下：

(一) 面試成績

(二) 書面資料審查成績

Khi tổng điểm của các ứng viên bằng nhau thì thứ tự của các mục bằng điểm như sau : 1. Điểm phỏng vấn , 2.Điểm đánh giá hồ sơ.

If the students have the same overall score, they will be evaluated in order of their interview score and paper review results.

三、本會將依考生實得總分高低排序，依序錄取正取 40 名，其餘為備取，備取生遞補順序不得相同。正取生報到後若仍有缺額，得由備取生依備取序號遞補。

2025 年 8 月 20 日前郵寄錄取通知予申請人，並可於本校網頁查詢

(<http://www.chihlee.edu.tw>)。

Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ theo tổng số điểm của thí sinh từ cao đến thấp, danh sách trúng tuyển chính thức gồm 40 chỉ tiêu, những hồ sơ còn lại sẽ được xếp vào danh sách dự bị, thứ tự danh sách dự bị không giống nhau. Sau khi thí sinh báo danh nhập học mà vẫn còn chỉ tiêu, sẽ dựa vào thứ tự danh sách dự bị để bù. Trước ngày 20/8/2025 nhà trường sẽ gửi giấy báo trúng tuyển qua đường bưu điện cho thí sinh, thí sinh có thể tra danh sách trên trang web của nhà trường <http://www.chihlee.edu.tw>
 40 applicants will be admitted by the Committee in order of their total score, and the

rest will be accepted in reserve. The order of acceptance for reserve students shall not be the same. If there is still a vacancy after the accepted students have registered, the reserve students should fill the vacancy in proper order. Acceptance notice will be mailed to applicants by August 20, 2025, and is also accessible on our school website: <http://www.chihlee.edu.tw>.

捌、報到

一、本校 2025 年 8 月 8 日於網頁公布報到日期、地點，網址：

<https://ct100.chihlee.edu.tw/p/403-1011-459.php>

二、正取生應依規定時間內辦理報到，未依規定時間內報到者，視同放棄錄取資格。

三、正取生未依規定時間內辦理報到者，其缺額由備取生依遞補順序遞補，備取生應依通知規定之日期及時間報到。未依規定時間報到者，視同放棄錄取資格。

Báo danh

1. Trường sẽ thông báo thời gian và địa điểm báo danh trên trang web <https://ct100.chihlee.edu.tw/p/403-1011-459.php> vào ngày 8 tháng 8 năm 2025.
2. Thí sinh trúng tuyển chính thức phải dựa theo thời gian quy định đến trường báo danh, khi báo danh. Những thí sinh quá thời gian báo danh, coi như là từ bỏ tư cách nhập học,
3. Thí sinh trúng tuyển chính thức không đến trường báo danh theo thời gian quy định, nhà trường sẽ dựa theo thứ tự thí sinh dự bị bổ sung thêm thí sinh trúng tuyển, trong thời gian quy định thí sinh dự bị không đến trường báo danh thì coi như là từ bỏ tư cách nhập học.

Registration

1. The the date and location of registration will be announced on our school website on August 8, 2025 at <https://ct100.chihlee.edu.tw/p/403-1011-459.php>
2. Accepted students should register on the date appointed or his/her qualification will be canceled.
3. If the accepted students fail to register on the date appointed, reserve students should fill the vacancies and register on the date appointed. If the reserve students fail to register on the date appointed, they will be disqualified.

玖、學雜費收費標準、獎助學金及退費標準

Tiêu chuẩn thu phí, học bổng và tiêu chuẩn hoàn trả / Tuition and Fees, Scholarships, and Refund Criteria

*學生實際繳交金額 = 學費、雜費、平安保險費、體育設施使用費、電腦及網路使用費
– 獎助學金

Số tiền sinh viên cần phải đóng = Học phí, tạp phí, phí bảo hiểm, phí sử dụng thiết bị thể thao, máy tính và internet – Học bổng

Total Amount Actually Paid by Students = Tuition and Associated Fees (insurance, sports facility, computer, and Internet expenses) – Scholarship

*退費標準：依專科以上學校學雜費收取辦法第 15 條規定辦理

Tiêu chuẩn hoàn trả: Theo Điều 15 của Biện pháp thu học phí và các khoản phí khác đối với trường Cao đẳng trở lên.

Refund Criteria: In accordance with Article 15 of the Regulations for College Tuition and Fees.

學年 Năm học Academic year	學期 Học kỳ Semester	學費、雜費、平安保險費、體育設施使用費、電腦及網路使用費 Học phí, tạp phí, phí bảo hiểm, phí sử dụng thiết bị thể thao, máy tính và internet Tuition and associated fees for insurance, sports facility, computer, and Internet expenses	獎助學金 Học bổng Scholarship	學生實際繳交金額 Số tiền sinh viên cần phải đóng Actual Paid Amount by Students
第一學年 Năm 1 1st Academic Year	第一學期 Học kỳ 1 1st semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 47,221 Đài tệ	免費 Miễn phí Free of charge
	第二學期 Học kỳ 2 2nd semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 17,221 Đài tệ	NT\$ 30,000 Đài tệ
第二學年 Năm 2 2nd Academic Year	第一學期 Học kỳ 1 1st semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 12,221 Đài tệ	NT\$ 35,000 Đài tệ
	第二學期 Học kỳ 2 2nd semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 12,221 Đài tệ	NT\$ 35,000 Đài tệ
第三學年 Năm 3 3rd Academic Year	第一學期 Học kỳ 1 1st semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 7,221 Đài tệ	NT\$ 40,000 Đài tệ
	第二學期 Học kỳ 2 2nd semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 7,221 Đài tệ	NT\$ 40,000 Đài tệ
第四學年 Năm 4 4th Academic Year	第一學期 Học kỳ 1 1st semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 7,221 Đài tệ	NT\$ 40,000 Đài tệ
	第二學期 Học kỳ 2 2nd semester	NT\$ 47,221 Đài tệ	NT\$ 7,221 Đài tệ	NT\$ 40,000 Đài tệ

- 校內住宿費第一學年免費，第二學年補助 1/2 校內宿舍費用，未住校內宿舍者，不予補助。第三學年起須至校外居住。校內住宿期間如違反住宿規定，受退宿處分，學生請自行負擔校外住宿費用。
- 學生個人購買生活用品、書籍與生活費用，敬請自行準備。

Chú thích

- Phí ký túc xá miễn phí trong năm học thứ nhất, năm học thứ hai nộp một nửa chi phí ký túc xá, sinh viên không ở ký túc xá sẽ không được hỗ trợ chi phí ký túc xá. Từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ phải chuyển ra ngoài ở. Trong thời gian ở ký túc xá, nếu vi phạm quy định của kí túc xá, sinh viên sẽ bị đuổi ra khỏi ký túc xá và tự chịu mọi chi phí thuê phòng bên ngoài.
- Chi phí đồ dùng sinh hoạt cá nhân, sách và chi phí sinh hoạt, sinh viên phải tự chuẩn bị.

Note:

- On-campus accommodation is free of charge for the first academic year and 1/2 fee for the second academic year. Students who do not reside in on-campus dormitories are not eligible for subsidies. From the 3rd semester onward, students must live off-campus. In case of violation of the accommodation regulations, students will be evicted and will be responsible for the cost of off-campus accommodation.
- Students are responsible for their own daily supplies, books and other living expenses.

拾、申訴辦法

- 一、考生如對招生事宜有疑義，應於事件發生後 7 日內向本校提出申訴(申訴書如附件六)，申訴者應為考生本人，且申訴書須載明申訴人姓名、地址、申訴之事實及理由(含時間、地點)，於檢附相關之文件及證據後，以郵件或電子郵件方式向本會提出。
- 二、考生之申訴如有下列情形者不予受理：
 - (一)申訴內容於招生相關法令或招生簡章內已有明確規範者。
 - (二)不具名申訴者。
 - (三)逾期申訴者。

Quy định về việc gửi đơn kiện.

1. Nếu thí sinh có nghi vấn đối với việc tuyển sinh thì phải gửi đơn kiện cho nhà trường trong vòng 7 ngày tính từ khi phát sinh sự việc (Đơn kiện như phụ lục 6), người đứng đơn kiện phải là thí sinh, trong đơn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, tường thuật sự việc và lý do kiện (ghi rõ thời gian, địa điểm), gửi kèm theo những tài liệu và chứng cứ có liên quan, có thể gửi đơn kiện cho nhà trường bằng đường bưu điện hoặc thư điện tử (email).
2. Không xử lý các trường hợp kiện của thí sinh như sau:
 - (1)Nội dung kiện là luật liên quan đến tuyển sinh hoặc nội dung nằm trong phạm vi nội dung đã được ghi rõ trong tài liệu thông tin tuyển sinh.
 - (2)Ẩn danh hoặc không ghi rõ họ tên.
 - (3)Quá hạn kiện

Complaint

1. Written complaint about recruitment shall be filed within 7 days from the day student receives the interview result. The applicant shall be the interviewee, and the complaint shall contain name, address, and a description of event (time and place). All supporting documents shall be mailed or emailed to the Recruitment Committee.
2. Complaint will be dismissed if:
 - a. The content is well stated or contained within the recruitment policies, regulations, or handbook
 - b. The applicant remains anonymous
 - c. The applicant misses the 7-day deadline

拾壹、注意事項

- 一、申請資格依本校「致理科技大學外國學生申請入學規定」辦理，簡章附件五第24頁。
- 二、本校課程以中文授課為主，申請人須具備基本中文聽說讀寫能力。學生報名時如未具備華語文能力測驗A2級，須於入學後第2學期結束前通過華語文能力A2（含）級以上測驗。如未能通過華語文能力A2（含）級以上測驗者，則以退學處理。
- 三、外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，將撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Các hạng mục chú ý:

1. Điều kiện nộp đơn đăng ký tuyển sinh dựa vào 「Quy định đăng ký tuyển sinh của sinh viên nước ngoài tại Trường Khoa học công nghệ Chihlee」, phụ lục 5, trang 24.
2. Chương trình học của nhà trường chủ yếu là dạy bằng tiếng Trung, người nộp đơn phải có năng lực nghe nói đọc viết tiếng Trung cơ bản. Nếu tại thời điểm nhập học sinh viên chưa có năng lực tiếng Hoa TOCFL A2, thì bắt buộc sau khi nhập học đến trước khi kỳ học thứ hai kết thúc phải thi được năng lực tiếng Hoa TOCFL A2 trở lên, nếu sinh viên không đạt chứng chỉ năng lực tiếng Hoa sẽ buộc phải thôi học theo quy định.
3. Sinh viên nước ngoài nộp giấy tờ giả mạo, mượn hoặc tẩy xóa, sẽ bị thu hồi tư cách trúng tuyển; những người đã đăng ký nhập học sẽ bị hủy bỏ tư cách sinh viên và không có chứng chỉ học tập liên quan nào được cấp; nếu bị phát hiện sau khi tốt nghiệp, sẽ bị thu hồi bằng cấp và hủy giấy chứng nhận bằng cấp.

Note:

1. The application requiremenst conform to the rules stated in the Chihlee University of Technology (CLUT) Regulations for International Student Admission, appendix 5, p. 24.

2. Applicants must have basic Chinese language skills in listening, speaking, reading and writing since the instructional language is mainly Chinese. Students who do not have the A2 level of TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language) at the time of application must achieve the A2 level of TOCFL or higher by the end of the 2nd semester of study. Students who do not achieve the A2 level of TOCFL or higher will be suspended from the program.
3. An international student who submits any certificate or document as part of their application for admission to an educational institution that is found to be forged, fabricated, or that has been altered in some way shall have their enrollment eligibility revoked. If the student has already registered and begun classes, their registration as a current student shall be cancelled and they will not be awarded any certification whatsoever regarding their related academic undertakings. If any such circumstances are first discovered after a student has already graduated, the educational institution shall revoke the former student's eligibility to graduate and shall require any degree already awarded to be returned and shall rescind it.

拾貳、附註 Ghi chú Special Note

本簡章如有未盡事宜，悉依本校產學合作國際專班招生委員會決議辦理。

Mọi vấn đề không được đề cập trong bảng hướng dẫn này sẽ được xử lý theo quy định của Hội đồng tuyển sinh lớp Chuyên ban quốc tế hợp tác doanh nghiệp trường đại học Khoa học kỹ thuật Chihlee

For matters not covered in the applicaiton, they will be resolved by the Admissions Committee of the International Program of Industry-Academia Collaboration, Chihlee University of Technology.

附件一 Phụ lục 1

申請注意事項 Những điều cần lưu ý khi nộp đơn xin học Application Instructions

1. 申請人須以打字或正楷詳細逐項填寫一式兩份。

Người nộp đơn có thể đánh máy hoặc điền chi tiết từng mục vào đơn xin nhập học, gồm 2 phần bản.
To the applicant: Read carefully and complete in duplicate, type or print.

2. 申請就讀四年制學士班之學生，須為畢業於經教育部認可之國外高中職以上學校者，並符合下列各該系特別要求申請資格者。

Người nộp đơn đăng ký tuyển sinh chương trình học đại học hệ 4 năm phải là những sinh viên tốt nghiệp các trường trung học nước ngoài trở lên được Bộ giáo dục công nhận, đồng thời phù hợp với yêu cầu đặc biệt của khoa xin học.

Applicants to any 4 year bachelor degree programs must hold a valid senior high school diploma recognized by the R.O.C.

3. 申請至本校就讀專班之外國學生，應於 2025 年 7 月 28 日前附下列文件向本校招生委員會提出申請，逾期不予受理。註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險或全民健康保險證明文件：

(1) 入學申請表，連結：<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>

(2) 6 個月內 2 吋半身脫帽近照。

(3) 最高學歷或同等學力證明文件影本 1 份及成績單正本 1 份（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。

(4) 簡要中文或英文自傳及讀書計畫，附件二，第 18 頁。

(5) 切結書，附件三，第 19 頁。

(6) 最近 3 個月內之健康證明書（包括人類免疫缺乏病毒有關檢查），附件四，第 21 頁。

(7) 財力證明書：申請生須提供足夠在臺就學之財力證明。已獲獎助學金者，請提供政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。自費生，需檢附銀行存款證明新臺幣 10 萬元以上（約美金 3,000 元）。

八、護照影本（有姓名及國籍之頁面）。

(8) 護照影本（有姓名及國籍之頁面）。

(9) 中文能力程度證明（如：「華語文能力測驗」《TOCFL》）。

(10) 中、英文推薦書（請儘可能提供）。

Sinh viên nước ngoài nộp đơn xin học tại trường, trước ngày 28 tháng 7 năm 2025 nộp cho Hội đồng tuyển sinh của trường những tài liệu dưới đây, quá hạn không nhận hồ sơ. Tại thời điểm nhập học, tân sinh viên phải nộp kèm theo bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương tích hoặc bảo hiểm y tế toàn dân đã được đăng ký bảo hiểm ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh.

(1) Đơn xin nhập học, đường link :

<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>

(2) Ảnh thẻ 2 inch, không đội mũ gần đây được chụp trong vòng 6 tháng.

(3) Văn bằng học lực cao nhất hoặc giấy tờ chứng minh học lực tương đương và thành tích học tập (Nếu không phải tiếng Anh hoặc tiếng Trung, thì phải có bản dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh đi kèm).

(4) Kế hoạch học tập và bản tự thuật, viết bằng tiếng Hoa hoặc tiếng Anh, phụ lục 2, trang 18.

(5) Giấy cam kết, phụ lục 3, trang 19.

(6) Giấy khám sức khỏe trong 3 tháng gần nhất (Bao gồm các xét nghiệm liên quan đến suy

giảm miễn dịch ở người) , phụ lục 4, trang 21.

(7) Chứng minh tài chính đủ để học tập tại Đài Loan, hoặc chứng nhận học bổng chính phủ, trường đại học hoặc tổ chức tư nhân cung cấp học bổng toàn phần. Sinh viên tự túc phải nộp chứng nhận tiền gửi ngân hàng ít nhất 100.000 Đài tệ (3.000 USD).

(8) Hộ chiếu bản sao (Trang có họ tên và quốc tịch)

(8) Chứng minh trình độ năng lực tiếng hoa (「 Kỳ thi năng lực Hoa ngữ 」 《TOCFL》) .

(9) Thư giới thiệu tiếng trung hoặc tiếng anh (Nếu có, vui lòng cung cấp)

Foreign students applying to Chihlee University of Technology shall submit the following documents to the Admission Committee prior to July 28, 2025. Applications received after the deadline will not be accepted. At registration, international students shall present proof of a medical and injury insurance policy which is valid for at least 6 months, starting from the date of entry into Taiwan. Current student shall present documental proof that they have joined Taiwan's National Health Insurance Plan.

(1) The completed application forms, link :

<https://examreg.chihlee.edu.tw/FTYSystem/stuReg/stuVReg/stuVRM.aspx>

(2) 2 recent (6 months) passport-style photographs.

(3) One photocopy of the applicant's highest education diploma and one original official transcript of the highest education diploma notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. (if written in a language other than Chinese and English, these should be translated into Chinese or English and notarized.)

(4) A brief autobiography and study plan in Chinese or English, (appendix 2, p. 18)

(5) Declaration, (appendix 3, p. 19)

(6) Health certificate of the recent 3 months (including related HIV tests), (appendix 4, p. 21).

(7) Financial proof: Applicants must submit financial affidavit to study in Taiwan. For those who have received scholarships, please provide proof of full scholarships from the government, universities, colleges, or private organizations. For self-funded students, please provide bank statement of at least NT\$100,000 (US\$3,000).

(8) Photocopy of passport (including pages confirming name and nationality).

(9) Certificate of Chinese language proficiency (Test of Chinese as a Foreign Language **【TOCFL】**).

(10) Letters of recommendation in Chinese and English (Please provide, if possible).

附件三 Phụ lục 3

切結書 Giấy cam kết Declaration

一、本人保證：

- (一) 未具僑生身分，且不具中華民國國籍。
- (二) 於申請時已連續居留海外六年以上。
- (三) 未曾以僑生身分申請本校或其他大專校院。
- (四) 申請學士班者，須未曾在中華民國完成申請就學學程或遭任何大專校院退學。

I. Tôi cam kết:

- (1) Không phải là sinh viên Hoa kiều, không có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc.
- (2) Đã sống ở nước ngoài liên tục hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn.
- (3) Không sử dụng điều kiện học sinh sinh viên Hoa kiều nộp đơn xin học tại trường hoặc các trường đại học cao đẳng khác.
- (4) Sinh viên nộp đơn học hệ đại học, chưa hoàn thành nộp đơn xin học tại Trung Hoa Dân Quốc hoặc bị buộc thôi học bởi bất kỳ các trường cao đẳng đại học nào tại Trung Hoa Dân Quốc.

1. I certify:

- (1) I am neither an overseas Chinese nor a citizen of the R.O.C.
- (2) I have resided overseas for 6 consecutive years at least at the time of application.
- (3) I have never applied for admission to Chihlee University of Technology or other colleges/universities in the R.O.C. under the status of an overseas Chinese.
- (4) As an applicant to bachelor degree programs, I have never completed any application for admission to a school in the R.O.C. nor have I been expelled from a college or university in the R.O.C.

二、本人保證所提供之所有相關資料(包括學歷、護照及其他相關文件之正本及其影本)為合法有效之文件。所提供之最高學歷畢業證書(申請四年制學士班者為高中畢業證書，申請二年制學士班者為專科畢業證書，申請碩士班者為大學畢業證書)在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，且所持有之證件相當於中華民國國內各級合法學校授予之相當學位。

II. Tôi đảm bảo tất cả các tài liệu do tôi cung cấp (Bao gồm học lực, hộ chiếu và các tài liệu liên quan bản gốc và bản sao) là tài liệu hợp pháp và có hiệu lực. Văn bằng tốt nghiệp học lực cao nhất đã cung cấp (Đăng ký học đại học hệ 4 năm là văn bằng tốt nghiệp cấp 3, đăng ký liên thông đại học hệ 2 năm là văn bằng tốt nghiệp cao đẳng, đăng ký học thạc sĩ là văn bằng tốt nghiệp đại học) là bằng có hiệu lực và hợp pháp nhận bằng tốt nghiệp tại quốc gia học tập, những văn bằng tương đương với các học vị liên quan tại các trường, đơn vị tại các cấp của Trung Hoa Dân Quốc là hợp pháp.

2.All the documents provided (including diploma, passport, and originals or copies of related documents) are valid. The diploma presented (senior high school diploma for 4-year bachelor degree applicants, college diploma for 2-year bachelor degree applicants, university diploma for the master program applicants) is valid and has been awarded legally in the country where I graduated. My diploma is equivalent to that which is awarded by accredited schools in the R.O.C.

三、本人上述所陳之任一事項，同意授權貴校查證，如有不實或不符規定等情事，本人同意貴校即取消入學資格或註銷學籍，絕無異議。如在貴校畢業後始被發覺，本人同意貴校取消本人畢業資格。

III. Tôi đồng ý cho trường Đại học Khoa học kỹ thuật Chihlee kiểm tra xác minh những thông tin cung cấp trên, nếu có bất kỳ điều gì được phát hiện là không thực hoặc không đúng quy định, tôi đồng ý quý trường hủy bỏ tư cách nhập học hoặc tước bỏ tư cách sinh viên. Nếu sau khi tốt nghiệp bị phát hiện, tôi đồng ý quý trường hủy bỏ tư cách tốt nghiệp của tôi.

3. I agree to authorize your school to check on all the statements mentioned above. If any statement is found to be forged or falsified, my admission to Chihlee University of Technology will be canceled, and my student status will be revoked. If the fraud is found after graduation, the degrees conferred will be annulled and their eligibility for graduation will be nullified as well.

申請人簽名 Người làm đơn ký tên
Applicant's Signature

申請日期 Ngày làm đơn
Date of Application

附件四 Phụ lục 4

健康檢查證明應檢查項目表 Giấy khám sức khỏe Items Required For Health Certificate

請勾選類別/Course applied: ☒大學部/Undergraduate ☐轉學生/Transfer student ☒外籍
生 Overseas student

為協助學子能平安健康在校就讀，您同意本校應教學需要、輔導、醫療或法律
規定而須提供健康檢查之資料予相關單位知悉之作法。

☐ 同意，簽名 _____

☐ 不同意，簽名 _____

Để hỗ trợ sinh viên học tập an toàn và lành mạnh tại trường, bạn đồng ý cho nhà trường cung cấp
thông tin về kiểm tra sức khỏe cho các cơ quan liên quan để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, tư vấn,
y tế hoặc quy định pháp lý,

☐ Đồng ý, Ký tên _____

☐ Không đồng ý, Ký tên _____

For student safety, please agree to let the school provide the necessary health examination
information for the purpose of medical counseling or legal requirements to relevant offices.

☐ Agree, Signature _____

☐ Disagree, Signature _____

醫院標誌
Hospital's Logo

居留或定居健康檢查項目表 Health Certificate for Residence Application

(醫院名稱、地址、電話、傳真)
(Hospital's Name, Address, Tel, Fax)

檢查日期 / Date of Examination
YYYY / MM / DD

基本資料 / Basic Data

姓名 : Name	性別 : ☐ 男 / M ☐ 女 / F Sex	照片 / Photo
身份證字號 : ID No.	護照號碼 : Passport No.	
出生年月日 : YYYY / MM / DD Date of Birth	國籍 : Nationality	
年齡 : Age	聯絡電話 : Phone No.	

實驗室檢查 / Laboratory Examinations

A. 胸部X光肺結核檢查 / Chest X-ray for Tuberculosis :

X光發現 / Findings : _____
判定 / Result :

- ☐ 合格 / Passed ☐ 疑似肺結核 / TB suspect ☐ 無法確認診斷 / Pending ☐ 不合格 / Failed
☐ 孕婦或12歲以下兒童免驗 / Not required for pregnant women or children under 12 years of age.

B. 腸內寄生蟲糞便檢查 / Stool Examination for Parasites :

- ☐ 陽性, 種名 / Positive, Species _____ ☐ 陰性 / Negative
☐ 其他可不需治療之腸內寄生蟲 / Other parasites that do not require treatment _____
☐ 來自附錄三之國家/地區者免驗 / Not required for applicants from countries/areas listed in Appendix 3.

C. 梅毒血清檢查 / Serological Tests for Syphilis :

檢驗 / Tests :

- a. ☐ RPR ☐ VDRL
☐ 陽性 / Positive, 效價 / Titers _____ ☐ 陰性 / Negative, 效價 / Titers _____
b. ☐ TPHA ☐ TPPA ☐ FTA-abs ☐ TPLA ☐ EIA ☐ CIA
☐ 陽性 / Positive, 效價 / Titers _____ ☐ 陰性 / Negative, 效價 / Titers _____
c. ☐ other _____ ☐ 陽性 / Positive, 效價 / Titers _____
☐ 陰性 / Negative, 效價 / Titers _____

判定 / Result : ☐ 合格 / Passed ☐ 不合格 / Failed
☐ 15歲以下兒童免驗 / Not required for children under 15 years of age.

D. 麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢查報告或預防接種證明 / Proof of Positive Measles and Rubella Antibody or Measles and Rubella Vaccination Certificates :

a. 抗體檢查 / Antibody Tests

麻疹抗體 / Measles Antibody ☐ 陽性 / Positive ☐ 陰性 / Negative ☐ 未確定 / Equivocal
德國麻疹抗體 / Rubella Antibody ☐ 陽性 / Positive ☐ 陰性 / Negative ☐ 未確定 / Equivocal

- b. 預防接種證明 / Vaccination Certificates (證明應包含接種日期、接種院所及疫苗批號; 接種日期與出國日期應至少間隔兩週 / The certificate should include the date of vaccination, the name of administering hospital or clinic and the batch no. of vaccine; the date of vaccination should be at least two weeks prior to traveling overseas.)

☐ 麻疹預防接種證明 / Measles Vaccination Certificate
☐ 德國麻疹預防接種證明 / Rubella Vaccination Certificate

- c. ☐ 有接種禁忌, 暫不適宜預防接種 / Having contraindications, not suitable for vaccination.

漢生病檢查 / Examinations for Hansen's Disease

全身皮膚視檢結果 / Skin Examination

☐ 正常 / Normal

☐ 異常 / Abnormal : ☐ 非漢生病 / Not related to Hansen's disease : _____

☐ 疑似漢生病須進一步檢查 / Hansen's disease suspect who needs further examinations

a. 病理切片 / Skin Biopsy : _____

b. 皮膚抹片 / Skin Smear : ☐ 陽性 / Positive ☐ 陰性 / Negative

c. 皮膚病灶合併感覺喪失或神經腫大 / Skin lesions combined with sensory loss or enlargement of peripheral nerves : ☐ 有 / Yes ☐ 無 / No

判定 / Result :

☐ 合格 / Passed ☐ 須進一步檢查 / Needs further examinations ☐ 不合格 / Failed

☐ 來自附錄四之國家/地區者免驗 / Not required for applicants from countries/areas listed in Appendix 4

健康檢查總結果 / The final result of health examination :

☐ 合格 / Passed ☐ 須進一步檢查 / Need further examinations ☐ 不合格 / Failed

負責醫檢師簽章 / Signature of Chief Medical Technologist : _____

負責醫師簽章 / Signature of Chief Physician : _____

醫院負責人簽章 / Signature of Superintendent : _____

日期 / Date : YYYY / MM / DD

備註 / Note : 本證明三個月內有效。 / The certificate is valid for three months.

附件五

致理科技大學外國學生申請入學規定

94.06.01 93 學年度第 4 次教務會議通過
94.10.20 94 學年度第 1 次教務會議修正
94.11.17 教育部台文字第 0940159119 號核定
96.07.30 95 學年度第 7 次教務會議修正
96.10.18 96 學年度第 2 次教務會議修正
100.03.08 100 學年度外國學生申請入學招生委員會第 1 次會議修正
100.04.29 教育部臺文(二)字第 1000069999 號核定
101.11.23 102 學年度外國學生申請入學招生委員會第 1 次會議修正
102.01.04 教育部臺教文(五)字第 1020001502 號核定
104.08.24 104 學年度第 1 次行政會議修正
106.10.05 106 學年度第 3 次行政會議修正
107.01.15 106 學年度外國學生申請入學招生委員會第 3 次會議修正
107.06.29 107 學年度外國學生申請入學招生委員會第 1 次會議修正
107.09.20 107 學年度外國學生申請入學招生委員會第 2 次會議修正
107.10.26 教育部臺教文(五)字第 1070189455 號核定
113.05.17 113 學年度外國學生申請入學招生委員會第 2 次會議修正
113.07.29 113 學年度外國學生申請入學招生委員會第 4 次會議修正
113.08.09 教育部臺教文(五)字第 1130080146 號核定

第1條 為辦理外國學生申請就讀本校，依據教育部「外國學生來臺就學辦法」及本校學則第三條及附設專科部學則第三條之規定，訂定本規定。

第2條 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，符合下列規定者，得依本規定申請入學：

一、未曾以僑生身分在臺就學。

二、未於申請入學當學年度依僑生回國就學及輔導辦法經海外聯合招生委員會分發。

具外國國籍並符合下列規定，且最近連續居留海外六年以上者，亦得依本規定申請入學：

一、申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

二、申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

三、前二款均應符合前項第一款及第二款規定。

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經教育部核准，得不受前二項規定之限制。

第二項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。第二項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每歷年在國內停留期間未逾一百二十日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾一百二十日予以認定。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：

一、就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

二、就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。

三、交換學生，其交換期間合計未滿二年。

四、經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於教育部「外國學生來臺就學辦法」中華民國一百年二月一日修正施行前已提出申請喪失中華民國國籍者，得依原規定申請入學，不受第二項規定之限制。

第3條 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者，得依本規定申請入學。

前項所稱連續居留，指每曆年在國內停留期間，合計未逾一百二十日。但符合前條第五項第一款至第四款所列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入前項連續居留期間計算。

曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者，得依本規定申請入學。

前項所稱連續居留，指每曆年在國內停留期間，合計未逾一百二十日。但符合前條第五項第一款至第四款所列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外連續居留期間計算。

第一項及第三項所定六年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。第一項至第四項所定海外，準用前條第五項規定。

第4條 外國學生依前二條規定申請來臺就學，以一次為限；其繼續在臺就學者，入學方式應與我國內一般學生相同。但下列情形，不在此限：

一、於完成申請就學學校學程後，申請碩士班以上學程，逕依本校規定辦理。

二、外國學生申請來臺就讀學士班以下學程，在國內停留未滿一年，因故退學或喪失學籍，得重新申請來臺就學，並以一次為限。

外國學生經入學學校以操行或學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍者，不得再依前項規定申請入學。

第5條 本校實際招收入學之外國學生，其名額以教育部核定本校前一學年度招生名額外加百分之十為原則，並應併入當學年度招生總名額報教育部核定；申請招收外國學生名額超過前一學年度核定招生名額外加百分之十者，應併同提出增量計畫（包括品質控管策略及配套措施）報教育部核定。但本校與外國大學合作並經教育部專案核定之學位專班，不在此限。

本校專科部五年制實際招收入學之外國學生，其名額以教育部核定本校前一學年度招生名額外加百分之十為限，並應併入當學年度招生總名額報教育部核定。

本校於前一學年度核定招生總名額內，有本國學生未招足情形者，得以外國學生名額補足，並應報教育部核定。

第一項及第二項招生名額，不包括未具正式學籍之外國學生。

第6條 本校訂定外國學生申請入學各學制招生簡章，詳列招生方式、入學資格審查程序、招生所系（科）、各所系（科）授課語言、學生應具備之語文能力基準、修業年限、招生名額、申請資格、財力證明基準、學雜費收退費基準、本校獎助學金資訊及其他相關事項。

本校辦理外國學生招生方式得為參與臺灣高等教育展等相關展會，建置招生網頁，拍攝製作招生宣傳影片、短片，製作多語文宣，運用網路社群行銷管道，與姊妹校學術交流

互訪，與各國、各地中學師長、學生交流互訪，辦理實體與線上招生說明會等。

本校辦理外國學生招生事務，除宣傳推廣及協助學生辦理來臺相關必要程序外，不得委由校外機構、法人、團體或個人辦理；並應適時確認其是否向外國學生收取不合理之費用、成立借貸關係或其他違反相關法令之情形，必要時得向申請之外國學生查核。

本校自行或委由校外機構、法人、團體或個人辦理外國學生招生相關事項，不得提供與招生規定、招生簡章或相關規定不一致之資訊。

第7條 申請入學本校之外國學生，應依當學年度本校招生簡章規定期間內，檢附下列文件，逕向本校申請入學，由國際暨兩岸交流處受理，並就申請表件是否齊全進行資格審查，審查合格者，送交各系所依其訂定之成績評定項目與方式進行評分，提交招生委員會核定後公告，發給入學許可證，並由國際暨兩岸交流處將錄取學生之申請資料，分送教務單位辦理註冊等相關事宜。

一、入學申請表。

二、學歷證明文件：

(一) 大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

(二) 香港或澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

(三) 其他地區學歷：

1. 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。

2. 前二目以外之國外地區學歷，應依大學辦理國外學歷採認辦法規定辦理。
但設校或分校於大陸地區之外國學校學歷，應經大陸地區公證處公證，
並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。

三、足夠在臺就學之財力證明，檢附銀行存款證明新台幣10萬元或美金3,000 元以上，
足夠在臺就學之財力證明或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。

四、依各系所之授課語言繳交相應語言能力證明文件。各系所授課語言於簡章中公告。

(一)中文授課系所：

1. 學士班繳交相當於華語文能力測驗（TOCFL）A2(含)以上之中文能力證明；
碩士班繳交相當於華語文能力測驗（TOCFL）B1(含)以上之中文能力證明。

2. 母語為中文、前一學位為中文授課，或前一學位主修中文者，提供相關證明文件。

(二)英文授課(含有足夠英語授課課程可滿足畢業需求)系所：

1. 繳交相當於CEFR B1(含)以上之英語能力證明。

2. 國籍為英語系國家者免繳；於英語系國家取得前一學位或前一學位為全英語授課者，提供相關證明文件。

五、其他本校所規定之文件。

本校審核外國學生之入學申請時，對前項第二款至第四款未經我國駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之文件認定有疑義時，得要求經驗證；其業經驗證者，得請求協助查證。

第一項入學許可應載明外國學生之姓名、就讀所系(科)名稱、學位別、授課語言、入學之學年、學期開始日期、學雜費收退費基準、獎助學金及其他應告知外國學生之相關資訊之中文及英文版本，確認外國學生瞭解來臺就學相關權利義務，並得提供外國學生母國語言版本。

依據「大學辦理招生規定審核作業要點」第7點第6項規定，本校外國學生錄取名單應提經校級招生委員會確認後正式公告。

第8條 外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由本校將撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

第9條 外國學生已在臺完成學士以上學位，繼續申請入學碩士以上學程者，得檢具我國各院校畢業證書及歷年成績證明文件，依第七條規定申請入學，不受本規定第七條第一項第二款規定之限制。

外國學生在我國就讀外國僑民學校或我國高級中等學校附設之雙語部（班）或私立高級中等學校外國課程部班畢業者，得持該等學校畢業證書及歷年成績證明文件，依第七條規定申請入學，不受第四條第一項規定之限制。

第10條 本校應即時於教育部指定之外國學生資料管理資訊系統，登錄外國學生入學、轉學、休學、退學或變更、喪失學生身分等情事。

第11條 外國學生不得申請就讀本校辦理回流教育之進修學士班、碩士在職專班及其他僅於夜間、例假日授課之班別。但外國學生在臺已具有合法居留身分者或其就讀之班別屬經教育部專案核准課程者，不在此限。

第12條 本校外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；已逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於第二學期或下一學年註冊入學。但教育部另有規定者，不在此限。

第13條 外國學生於本校畢業後，經本校核轉教育部許可在我國實習者，其外國學生身分最長得延長至畢業後一年。

外國學生來臺就學後，其於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學。但入學方式與我國內一般學生相同者，及依國籍法第四條第一項第一款至第三款申請歸化取得中華民國國籍者，不在此限。

本校招收於我國大專校院就讀之外國學生轉學生，視當年度外國學生招生名額而定。其入學方式同本國學生，並依本校「大學部招收轉學生招生規定」辦理，但外國學生經入學學校以操行不及格或因刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得轉學進入本校就讀。

第14條 本校在不影響正常教學情況下，得與外國學校簽訂教育合作協議，招收外國交換生；並得準用外國學生申請入學規定，酌收外國人士為選讀生。

第15條 外國學生入學後，得依據本校境外學生獎助學金設置要點向國際暨兩岸交流處申請獎學金。

第16條 本校由國際暨兩岸交流處負責辦理外國學生就學申請、輔導、聯繫等事項，並加強安排住宿家庭及輔導外國學生學習我國語言、文化等，以增進外國學生對我國之了解。本校於每學年度不定期舉辦外國學生輔導活動，有助我國學生與外國學生交流互動，以促進校園國際化。

第17條 本校專科部五年制招收外國學生，除依本規定第二十條辦理在臺已有合法居留身分之外國學生申請入學外，應擬訂招收五專外國學生來台就學有關計畫，於每年十一月三十日前報教育部核定後，始得招生。

前項計畫內容應包含本校專責外國學生之單位，加強我國語文、文化學習課程之規畫及安排外國學生住宿之措施等事項。

第18條 外國學生申請入學本校專科部五年制，除依本規定第二十條辦理在臺已有合法居留身分申請入學外，應依當學年度本校招生簡章規定期間，檢附下列文件，逕向本校申請入學，經審查或甄試合格者，發給入學許可：

一、入學申請表。

二、學歷證明文件：

(一)大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

(二)香港及澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

(三)其他地區學歷：

1. 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。

2. 前二目以外之國外地區學歷，應依教育部國外學歷查證認定相關規定辦理。設校或分校於大陸地區之國外學校學歷，應經大陸地區公證處公證，並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。

三、足夠在臺就學之財力證明。

四、在臺監護人資格證明文件。

五、經駐外機構驗證之父母或其他法定代理人委託在臺監護人之委託書。

六、經我國公證人公證之在臺監護人同意書。

七、其他本校所規定之文件。

第一項第四款至第六款文件，外國學生已成年者，免予檢附。

本校審核外國學生之入學申請時，對第一項第二款、第三款及第七款未經駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之文件認定有疑義時，得要求驗證；其業經驗證者，得請求協助查證。

第19條 前條所稱在臺監護人，應為在臺設有戶籍之中華民國國民，並提出無犯罪之警察刑事紀錄證明及稅捐機關核發最新年度個人各類所得總額新臺幣九十萬元以上之資料清單。符合前項規定者，每人以擔任一位外國學生之在臺監護人為限。但以校長、學校財團法人董事長或董事為監護人者，每人以擔任五位外國學生之在臺監護人為限。

第20條 在臺已有合法居留身分，申請入學本校專科部五年制之外國學生，應檢具下列文件，

逕向本校申請，並經甄試核准後註冊入學：

一、入學申請表。

二、合法居留證件影本。

三、學歷證明文件：

(一) 大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

(二) 香港及澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

(三) 其他地區學歷：

1. 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。

2. 前二目以外之國外地區學歷，應依教育部國外學歷查證認定相關規定辦理。設校或分校於大陸地區之國外學校學歷，應經大陸地區公證處公證，並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。

本校審核外國學生之入學申請時，對前項第三款未經駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之文件認定有疑義時，得要求驗證；其業經驗證者，得請求協助查證。

第21條 外國學生因該國發生戰亂、重大災害或重大傳染疾病疫情等情事，致該地區之學校無法正常運作，本校專科部五年制得經教育部同意後，以專案辦理招生。

前項專案就學採外加名額者，以本校招生核定專科部五年制總名額外加百分之一為原則。

第22條 外國學生就學應繳之費用，應依下列規定辦理：

一、依前二條規定入學者，經駐外機構推薦來臺就學之外交部臺灣獎學金受獎學生及具我國永久居留身分者，依教育部核定本校我國學生收費基準辦理。

二、依教育合作協議入學者，依協議規定辦理。

三、前二款以外之外國學生，依本校所定外國學生收費基準，並不得低於本校我國學生收費基準。

第23條 外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。

前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外機構驗證。

第24條 外國學生有違反就業服務法之規定經查證屬實者，本校應即依規定處理。

第25條 外國學生有休學、退學或變更、喪失學生身分等情事，本校應通報外交部領事事務局及本校所在地之內政部移民署服務站，並副知教育部。

第26條 外國學生在臺期間，除應遵守我國法律外，並應恪守本校各項相關規定。

第27條 本規定未盡事宜悉依教育部訂定之「外國學生來臺就學辦法」暨本校相關規定辦理。

第28條 本規定經本校招生委員會通過，並報請教育部核定後施行，修正時亦同。

Phụ lục 5 : Quy định xin nhập học đối với sinh viên nước ngoài của trường Đại học Khoa học kỹ thuật Chihlee

	2005.06.01	Niên khóa 2004 cuộc họp giáo vụ lần thứ 4 thông qua
	2005.10.20	Niên khóa 2005 cuộc họp giáo vụ lần thứ nhất sửa đổi
	2005.11.17	Bộ giáo dục ban hành văn bản số 0940159119
	2007.07.30	Niên khóa 2006 cuộc họp giáo vụ lần thứ 7 sửa đổi
	2007.10.18	Niên khóa 2007 cuộc họp giáo vụ lần thứ 2 sửa đổi
2011.03.08	Niên khóa 2011 cuộc họp lần thứ nhất Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
	2011.04.29	Bộ giáo dục ban hành văn bản số 1000069999
2012.11.23	Niên khóa 2013 cuộc họp lần thứ nhất Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
	2013.01.04	Bộ giáo dục ban hành văn bản số 1020001502
	2015.08.24	Niên khóa 2015 cuộc họp hành chính lần thứ nhất sửa đổi
	2017.10.05	Niên khóa 2017 cuộc họp hành chính lần thứ ba sửa đổi
2018.01.15	Niên khóa 2017 cuộc họp lần thứ ba Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
2018.06.29	Niên khóa 2018 cuộc họp lần thứ nhất Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
2018.09.20	Niên khóa 2018 cuộc họp lần thứ hai Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
	2018.10.26	Bộ giáo dục ban hành văn bản số 1070189455
2024.05.17	Niên khóa 2024 cuộc họp lần thứ hai Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
2024.07.29	Niên khóa 2024 cuộc họp lần thứ tư Ủy ban tuyển sinh sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học sửa đổi	
	2024.08.09	Bộ giáo dục ban hành văn bản số 1130080146

Điều 1

Để đăng ký cho sinh viên nước ngoài học tập tại trường của chúng tôi, dựa theo "Quy định dành cho sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan" của Bộ Giáo dục và Điều 3 các quy định học tập của trường, lập ra quy định này.

Điều 2

Người có quốc tịch nước ngoài và chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, nếu đáp ứng các điều kiện sau đây, có thể đăng ký nhập học theo quy định này:

1. Chưa từng học tập tại Đài Loan với tư cách là du học sinh Hoa Kiều.
2. Trong năm học đăng ký nhập học, chưa từng được Ủy ban Tuyển sinh Liên kết ở nước ngoài phân phối nhập học theo "Quy định về việc du học sinh Hoa Kiều về nước học tập và được hỗ trợ".

Những người có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng các điều kiện sau, đồng thời đã cư trú liên tục ở nước ngoài trên sáu năm gần đây, cũng có thể đăng ký nhập học theo quy định này:

1. Những người đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm đăng ký phải chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan.
2. Những người từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc nhưng đã từ bỏ trước khi đăng ký, thì kể từ ngày Bộ Nội chính phê duyệt việc từ bỏ quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc đến ngày đăng ký phải đủ tám năm.
3. Hai trường hợp trên đều phải đáp ứng các quy định tại khoản 1 và khoản 2 của điều trước.

Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục, công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài tiến cử đến Đài Loan học tập, nếu ngay từ đầu chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan, sau khi được Bộ Giáo dục phê duyệt, sẽ không bị hạn chế bởi hai khoản quy định trước đó.

Thời gian sáu năm và tám năm quy định tại khoản hai được tính đến ngày bắt đầu học kỳ nhập học (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8). Thuật ngữ "nước ngoài" trong khoản hai đề cập đến các quốc gia hoặc khu vực ngoài Trung Quốc đại lục, Hồng Kông và Ma Cao. Thuật ngữ "cư trú liên tục" có nghĩa là trong mỗi năm, sinh viên nước ngoài không được lưu trú tại Đài Loan quá 120 ngày. Nếu khoảng thời gian cư trú liên tục ở nước ngoài không thuộc một năm dương lịch hoàn chỉnh, thì sẽ được xác định dựa trên thời gian lưu trú tại Đài Loan không vượt quá 120 ngày trong khoảng thời gian tính toán của từng năm đó. Tuy nhiên, những trường hợp đáp ứng một trong các điều kiện sau đây và có giấy tờ chứng minh liên quan sẽ không bị giới hạn bởi quy định này; thời gian lưu trú tại Đài Loan của họ cũng sẽ không được tính vào thời gian cư trú ở nước ngoài:

1. Theo học các lớp đào tạo kỹ thuật dành cho thanh niên ở nước ngoài do cơ quan phụ trách công tác kiều bào tổ chức hoặc các chương trình đào tạo kỹ thuật chuyên biệt được Bộ Giáo dục công nhận.
2. Theo học tại các trung tâm giảng dạy Hoa ngữ của các trường đại học, cao đẳng được Bộ Giáo dục phê duyệt tuyển sinh sinh viên nước ngoài, với tổng thời gian không quá hai năm.
3. Tham gia chương trình trao đổi sinh viên, với tổng thời gian trao đổi không quá hai năm.
4. Được cơ quan chủ quản ngành trung ương phê duyệt đến Đài Loan thực tập, với tổng thời gian thực tập không quá hai năm.

Những người có quốc tịch nước ngoài đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, và đã nộp đơn xin từ bỏ quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc trước khi quy định "Phương thức du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài" được sửa đổi và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 2 năm 2011, có thể đăng ký nhập học theo quy định ban đầu mà không bị ràng buộc bởi quy định tại khoản hai.

Điều 3

Người có quốc tịch nước ngoài, đồng thời có tư cách thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao, và chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan, nếu tại thời điểm đăng ký đã cư trú liên tục tại Hồng Kông, Ma Cao hoặc nước ngoài trong ít nhất 6 năm, thì có thể đăng ký nhập học theo quy định này.

"Cư trú liên tục" được định nghĩa là: Tổng thời gian lưu trú tại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm. Nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5, điều trước đó (mục 1 đến mục 4) và có giấy tờ chứng minh hợp lệ, thì thời gian lưu trú tại Đài Loan không bị tính vào thời gian cư trú liên tục.

Người từng là công dân Trung Quốc đại lục, nhưng hiện có quốc tịch nước ngoài và chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan, nếu tại thời điểm đăng ký đã cư trú liên tục tại nước ngoài trong ít nhất 6 năm, thì cũng có thể đăng ký nhập học theo quy định này.

"Cư trú liên tục" trong trường hợp này cũng có cùng định nghĩa: Tổng thời gian lưu trú tại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm dương. Nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5, điều trước đó (mục 1 đến mục 4) và có giấy tờ chứng minh hợp lệ, thì thời gian lưu trú tại Đài Loan không bị tính vào thời gian cư trú liên tục.

Thời gian 6 năm được tính từ ngày bắt đầu của học kỳ nhập học (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) trở ngược về trước 6 năm. Định nghĩa "nước ngoài" được áp dụng theo quy định tại khoản 5 của điều luật liên quan.

Điều 4

Sinh viên nước ngoài đăng ký du học tại Đài Loan theo quy định của hai điều trước đây chỉ được phép đăng ký một lần duy nhất. Nếu tiếp tục học tập tại Đài Loan, họ phải nhập học theo phương thức giống như sinh viên trong nước. Tuy nhiên, các trường hợp sau đây sẽ không bị hạn chế bởi quy định này:

1. Sau khi hoàn thành chương trình học đã đăng ký, nếu sinh viên nước ngoài tiếp tục đăng ký chương trình thạc sĩ trở lên, thì có thể thực hiện theo quy định của trường mà không bị hạn chế.
2. Sinh viên nước ngoài đăng ký học chương trình bậc đại học trở xuống tại Đài Loan, nếu thời gian lưu trú chưa đầy một năm mà phải bỏ học hoặc mất tư cách sinh viên vì lý do nào đó, thì có thể đăng ký nhập học lại một lần duy nhất.

Sinh viên nước ngoài nếu bị buộc thôi học hoặc mất tư cách sinh viên do hạnh kiểm kém, kết quả học tập không đạt yêu cầu, vi phạm pháp luật hoặc nội quy nhà trường một cách nghiêm trọng, thì không được phép đăng ký nhập học lại theo quy định trên.

Điều 5

Việc tuyển sinh thực tế đối với sinh viên nước ngoài tại trường được thực hiện theo nguyên tắc sau : Số lượng sinh viên nước ngoài được tuyển không được vượt quá 10% chỉ tiêu tuyển sinh của năm học trước do Bộ Giáo dục phê duyệt. Chỉ tiêu này phải được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của năm học hiện tại và báo cáo Bộ Giáo dục phê duyệt. Nếu trường muốn tuyển sinh viên nước ngoài vượt mức 10%, thì phải nộp kế hoạch mở rộng quy mô (bao gồm chiến lược kiểm soát chất lượng và các biện pháp hỗ trợ) để Bộ Giáo dục xem xét. Các chương trình cấp bằng hợp tác với trường đại học nước ngoài và được Bộ Giáo dục phê duyệt theo dự án đặc biệt sẽ không bị giới hạn bởi quy định trên.

Số lượng sinh viên nước ngoài được tuyển vào chương trình cao đẳng chuyên khoa hệ 5 năm của trường không được vượt quá 10% chỉ tiêu tuyển sinh của năm học trước do Bộ Giáo dục phê duyệt. Chỉ tiêu này phải được tính vào tổng số chỉ tiêu tuyển sinh của năm học hiện tại và báo cáo Bộ Giáo dục phê duyệt.

Nếu trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của năm học trước, số lượng sinh viên trong nước chưa đủ, trường có thể bổ sung chỉ tiêu bằng sinh viên nước ngoài và phải báo cáo Bộ Giáo dục phê duyệt.

Chỉ tiêu tuyển sinh trong Mục 1 và Mục 2 không bao gồm sinh viên nước ngoài không có tư cách sinh viên chính thức.

Điều 6

Trường đã xây dựng cẩm nang tuyển sinh cho sinh viên nước ngoài, trong đó liệt kê chi tiết các thông tin sau : phương thức tuyển sinh, quy trình xét duyệt tư cách nhập học, các khoa/chuyên ngành tuyển sinh, ngôn ngữ giảng dạy của từng khoa/chuyên ngành, tiêu chuẩn năng lực ngôn ngữ yêu cầu, thời gian học, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện đăng ký, tiêu chuẩn chứng minh tài chính, quy định về học phí, lệ phí và chính sách hoàn trả, thông tin về học bổng và trợ cấp của trường, các vấn đề liên quan khác.

Trường thực hiện phương thức tuyển sinh sinh viên nước ngoài thông qua các hoạt động sau : tham gia Triển lãm Giáo dục Đại học Đài Loan và các triển lãm liên quan khác, xây dựng trang web tuyển sinh, sản xuất và quay phim các video quảng cáo tuyển sinh, phim ngắn, tạo các tài liệu quảng bá đa ngôn ngữ, sử dụng kênh tiếp thị qua mạng xã hội, thực hiện trao đổi học thuật và thăm viếng lẫn nhau với các trường chị em, tổ chức trao đổi và thăm viếng với giáo viên và học sinh từ các trường trung học ở các quốc gia và khu vực khác, tổ chức các buổi hội thảo tuyển sinh trực tiếp và trực tuyến.

Trường khi thực hiện công tác tuyển sinh sinh viên nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau : ngoài các hoạt động quảng bá tuyển sinh và hỗ trợ sinh viên hoàn tất các thủ tục cần thiết để đến Đài Loan, trường không được ủy thác cho các tổ chức, pháp nhân, đoàn thể hoặc cá nhân bên ngoài thực hiện công tác tuyển sinh, trường phải kiểm tra kịp thời xem các đơn vị liên quan có thu phí bất hợp lý, thiết lập quan hệ vay mượn hoặc vi phạm các quy định pháp luật đối với sinh viên nước ngoài hay không, nếu cần thiết, trường có thể xác minh thông tin trực tiếp với sinh viên đăng ký.

Dù trường tự tổ chức hay ủy thác cho đơn vị bên ngoài thực hiện các hoạt động tuyển sinh, thì không được cung cấp thông tin mâu thuẫn với quy định tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh hoặc các quy định liên quan.

Điều 7

Sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học tại trường phải nộp hồ sơ trong thời gian quy định theo cẩm nang tuyển sinh của năm học hiện tại, kèm theo các giấy tờ sau và nộp trực tiếp cho trường. Văn phòng Quốc tế sẽ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các tài liệu và thực hiện xét duyệt tư cách đăng ký, hồ sơ đạt yêu cầu sẽ được chuyển đến các khoa chuyên ngành để đánh giá theo tiêu chí và phương thức chấm điểm riêng của từng khoa, sau khi đánh giá, kết quả sẽ được trình lên Hội đồng Tuyển sinh để phê duyệt, danh sách trúng tuyển sẽ được công bố và trường sẽ cấp giấy báo nhập học, văn phòng Quốc tế sẽ chuyển hồ sơ của sinh viên trúng tuyển đến phòng đào tạo để thực hiện thủ tục đăng ký nhập học và các công việc liên quan.

1. Đơn đăng ký nhập học.
2. Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn.
 - 2.1 Bằng cấp từ Trung Quốc Đại lục: Phải tuân theo Quy định về công nhận bằng cấp từ Trung Quốc Đại lục.
 - 2.2 Bằng cấp từ Hồng Kông hoặc Ma Cao: Phải tuân theo Quy định về thẩm tra và công nhận bằng cấp từ Hồng Kông và Ma Cao
 - 2.3 Bằng cấp từ các khu vực khác:
 - 2.3.1 Bằng cấp từ các trường Đài Loan ở nước ngoài và trường dành cho thương nhân Đài Loan tại Trung Quốc Đại lục được xem như tương đương với bằng cấp của các trường cùng cấp tại Đài Loan.
 - 2.3.2 Bằng cấp từ các quốc gia/vùng lãnh thổ khác (ngoài hai trường hợp trên) phải tuân theo Quy định về công nhận bằng cấp nước ngoài của các trường đại học. Tuy nhiên,

bằng cấp từ các trường nước ngoài có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Trung Quốc Đại lục phải được công chứng bởi văn phòng công chứng tại Trung Quốc Đại lục và được xác minh bởi cơ quan do Viện Hành chính Đài Loan thành lập, chỉ định hoặc ủy quyền cho tổ chức tư nhân thẩm định.

3. Giấy chứng minh tài chính đủ để theo học tại Đài Loan, bao gồm một trong các tài liệu sau : giấy xác nhận số dư ngân hàng với số tiền tối thiểu 100.000 TWD hoặc 3.000 USD, giấy chứng nhận học bổng toàn phần do chính phủ, trường đại học hoặc tổ chức tư nhân cấp.
4. Chứng chỉ năng lực ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ giảng dạy của ngành đăng ký, theo yêu cầu được công bố trong cẩm nang tuyển sinh.

4.1 Các khoa/ngành giảng dạy bằng tiếng Trung:

- 4.1.1 Đối với chương trình Cử nhân: Cần nộp chứng chỉ năng lực tiếng Trung tương đương với Bài kiểm tra năng lực tiếng Hoa (TOCFL) cấp A2 (bao gồm A2) trở lên. Đối với chương trình Thạc sĩ: Cần nộp chứng chỉ năng lực tiếng Trung tương đương với Bài kiểm tra năng lực tiếng Hoa (TOCFL) cấp B1 (bao gồm B1) trở lên.
- 4.1.2 Đối với những ứng viên có tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung, hoặc bằng cấp trước đó được giảng dạy bằng tiếng Trung, hoặc chuyên ngành trước đó là tiếng Trung, cần cung cấp các giấy tờ chứng minh liên quan.

4.2 Các khoa/ngành giảng dạy bằng tiếng Anh (bao gồm các ngành có đủ khóa học bằng tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp):

- 4.2.1 Cần nộp chứng chỉ năng lực tiếng Anh tương đương với CEFR B1 (bao gồm B1) hoặc cao hơn.
- 4.2.2 Đối với ứng viên có quốc tịch từ các quốc gia nói tiếng Anh, không cần nộp chứng chỉ; nếu bằng cấp trước đó được cấp bởi một quốc gia nói tiếng Anh hoặc bằng cấp trước đó là chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, cần cung cấp giấy tờ chứng minh liên quan.

5. Các giấy tờ khác theo quy định của trường.

Khi trường xét duyệt hồ sơ nhập học của sinh viên nước ngoài, nếu có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu được nộp theo Mục 2 đến Mục 4 mà chưa được cơ quan đại diện ngoại giao của Đài Loan, cơ quan do Viện Hành chính Đài Loan thành lập hoặc chỉ định, hoặc tổ chức tư nhân được ủy quyền xác minh, trường có quyền yêu cầu xác minh lại các tài liệu. Nếu tài liệu đã được xác minh, trường có thể yêu cầu hỗ trợ để kiểm tra và xác minh lại thông tin.

Giấy phép nhập học theo Mục 1 phải ghi rõ các thông tin sau bằng cả tiếng Trung và tiếng Anh : tên của sinh viên nước ngoài, tên khoa/chuyên ngành mà sinh viên theo học, loại bằng cấp (Cử nhân, Thạc sĩ, v.v.), ngôn ngữ giảng dạy, năm học và kỳ học bắt đầu, các tiêu chuẩn thu/hoàn trả học phí, thông tin về học bổng và trợ cấp, các thông tin liên quan khác cần cung cấp cho sinh viên nước ngoài., Đồng thời, trường có thể cung cấp bản dịch bằng ngôn ngữ của quốc gia sinh viên nếu cần thiết để đảm bảo sinh viên hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ khi đến Đài Loan học.

Theo quy định tại Điểm 7, Mục 6 của "Hướng dẫn về quy trình xét duyệt tuyển sinh của các trường đại học", danh sách sinh viên nước ngoài trúng tuyển tại trường phải được Hội đồng Tuyển sinh cấp trường xác nhận trước khi được công bố chính thức.

Điều 8

Nếu tài liệu chứng nhận nhập học của sinh viên nước ngoài bị phát hiện là giả mạo, mượn mạo, hoặc chỉnh sửa thông tin, trường sẽ hủy bỏ tư cách nhập học của sinh viên. Nếu sinh viên đã đăng ký nhập học, sẽ hủy bỏ tư cách sinh viên và không cấp bất kỳ chứng chỉ học tập liên quan. Nếu phát hiện vấn đề này sau khi sinh viên đã tốt nghiệp, trường sẽ hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và hủy bỏ bằng cấp của sinh viên.

Điều 9

Sinh viên nước ngoài đã hoàn thành bằng Cử nhân hoặc cao hơn tại Đài Loan, nếu muốn tiếp tục đăng ký học các chương trình Thạc sĩ hoặc cao hơn, có thể cung cấp bằng tốt nghiệp và bằng điểm của các trường đại học tại Đài Loan để đăng ký theo quy định tại Điều 7, không bị hạn chế bởi các quy định tại Điều 7, Mục 1, Khoản 2.

Sinh viên nước ngoài đã tốt nghiệp từ các trường trường quốc tế hoặc trường trung học phổ thông công lập ở Đài Loan (bao gồm các chương trình song ngữ hoặc chương trình quốc tế) có thể cung cấp chứng nhận tốt nghiệp và bảng điểm của các trường đó để đăng ký nhập học theo quy định tại Điều 7, không bị giới hạn bởi các quy định tại Điều 4, Mục 1.

Điều 10

Trường phải ngay lập tức đăng tải thông tin về sinh viên nước ngoài, bao gồm các thay đổi về nhập học, chuyển trường, nghỉ học, thôi học hoặc mất tư cách sinh viên, vào Hệ thống quản lý thông tin sinh viên nước ngoài được Bộ Giáo dục Đài Loan chỉ định.

Điều 11

Sinh viên nước ngoài không được đăng ký học tại các chương trình học Cử nhân lớp buổi tối, Thạc sĩ chuyên ngành dành cho người đi làm hoặc các chương trình chỉ giảng dạy vào buổi tối hoặc cuối tuần do trường tổ chức. Tuy nhiên, sinh viên nước ngoài có thể cư trú hợp pháp tại Đài Loan hoặc tham gia các chương trình đã được Bộ Giáo dục Đài Loan phê duyệt không thuộc trường hợp này.

Điều 12

Khi sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học, nếu thời gian học trong học kỳ đầu tiên của năm học đó chưa vượt quá một phần ba thời gian học, sinh viên sẽ bắt đầu học trong học kỳ đó. Nếu thời gian học đã vượt quá một phần ba học kỳ đầu tiên, sinh viên sẽ đăng ký nhập học vào học kỳ thứ hai hoặc năm học tiếp theo. Tuy nhiên, nếu có quy định khác từ Bộ Giáo dục Đài Loan, các quy định này sẽ không áp dụng.

Điều 13

Sinh viên nước ngoài sau khi tốt nghiệp tại trường và được trường chuyển hồ sơ xin phép từ Bộ Giáo dục Đài Loan để thực tập tại Đài Loan, có thể gia hạn tư cách sinh viên nước ngoài tối đa một năm sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên nước ngoài khi học tại Đài Loan, nếu trong thời gian học có thực hiện thủ tục đăng ký hộ khẩu, chuyển hộ khẩu vào Đài Loan, nhập tịch hoặc phục hồi quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc sẽ mất tư cách sinh viên nước ngoài và phải bị thôi học. Tuy nhiên, sinh viên có phương thức nhập học tương tự như sinh viên Đài Loan hoặc được nhập tịch Trung Hoa Dân Quốc theo các quy định tại Điều 4, Mục 1, Khoản 1 đến Khoản 3 của Luật Quốc tịch sẽ không bị ảnh hưởng bởi điều này.

Việc tuyển sinh sinh viên chuyển trường từ các trường đại học nước ngoài vào trường sẽ dựa vào số lượng chỉ tiêu sinh viên nước ngoài của năm học đó. Quy trình nhập học sẽ giống với sinh viên Đài Loan, và sẽ được thực hiện theo Quy định tuyển sinh chuyển trường của trường. Tuy nhiên, nếu sinh viên đã bị đuổi học vì hành vi đạo đức kém hoặc bị kết án hình sự tại trường cũ, sinh viên đó không được phép chuyển trường vào trường này.

Điều 14

Trường có thể ký kết thỏa thuận hợp tác giáo dục với các trường đại học nước ngoài trong điều kiện không ảnh hưởng đến việc giảng dạy bình thường, để tuyển sinh sinh viên trao đổi quốc tế. Trường cũng có thể áp dụng các quy định tuyển sinh sinh viên nước ngoài để tuyển chọn công dân nước ngoài vào học theo hình thức học tự chọn.

Điều 15

Sau khi sinh viên nước ngoài nhập học, có thể nộp đơn xin học bổng theo Quy định về học bổng và hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên quốc tế tại Phòng Quốc tế của trường.

Điều 16

Phòng Quốc tế của trường chịu trách nhiệm xử lý đơn xin nhập học, hướng dẫn, và liên lạc với sinh viên nước ngoài, đồng thời cũng sẽ tăng cường tổ chức các chương trình ở với gia đình bản xứ và hướng dẫn sinh viên nước ngoài học ngôn ngữ và văn hóa Đài Loan, nhằm tăng cường sự hiểu biết của sinh viên nước ngoài về Đài Loan. Trường cũng tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên nước ngoài định kỳ hàng năm, nhằm tạo cơ hội giao lưu giữa sinh viên Đài Loan và sinh viên nước ngoài, thúc đẩy quốc tế hóa trong khuôn viên trường.

Điều 17

Đối với chương trình hệ chuyên ngành 5 năm, trường sẽ tuyển sinh sinh viên nước ngoài theo các quy định trong Điều 20 của bản quy định này, và nếu là sinh viên đã có thị thực cư trú hợp pháp tại Đài Loan, thì có thể nộp đơn xin nhập học. Trường phải lập kế hoạch tuyển sinh sinh viên nước

ngoài vào chương trình 5 năm để được Bộ Giáo dục Đài Loan phê duyệt trước ngày 30 tháng 11 hàng năm mới có thể thực hiện tuyển sinh.

Nội dung của kế hoạch trong Điều trước phải bao gồm các vấn đề sau : đơn vị chuyên trách của trường về sinh viên quốc tế, kế hoạch và tổ chức các khóa học về ngôn ngữ và văn hóa Đài Loan, biện pháp sắp xếp chỗ ở cho sinh viên nước ngoài.

Điều 18

Sinh viên nước ngoài muốn đăng ký vào chương trình 5 năm của trường, ngoài các quy định trong Điều 20 về thị thực cư trú hợp pháp tại Đài Loan, cần phải nộp các tài liệu theo yêu cầu của bản quy định tuyển sinh trong từng năm học, và gửi hồ sơ trực tiếp đến trường. Sau khi hồ sơ được xem xét hoặc qua kỳ thi tuyển sinh, nếu đạt yêu cầu, sẽ được cấp giấy phép nhập học.

1. Đơn xin nhập học.
2. Chứng nhận bằng cấp:
 - 2.1 Bằng cấp từ khu vực Đại lục: Phải tuân theo quy định của các quy tắc công nhận bằng cấp khu vực Đại lục.
 - 2.2 Bằng cấp từ Hồng Kông và Ma Cao: Phải tuân theo các quy định của quy chế kiểm tra và công nhận bằng cấp từ Hồng Kông và Ma Cao.
 - 2.3 Bằng cấp từ các khu vực khác:
 - 2.3.1 Bằng cấp từ các trường học Đài Loan ở nước ngoài và trường học của người Đài Loan ở Đại lục sẽ được công nhận tương đương với bằng cấp của các trường học trong nước.
 - 2.3.2 Bằng cấp từ các khu vực nước ngoài không thuộc hai mục trên sẽ phải được xử lý theo quy định về xác minh và công nhận bằng cấp nước ngoài của Bộ Giáo dục. Đối với bằng cấp của các trường quốc tế có cơ sở hoặc chi nhánh tại Đại lục, bằng cấp cần được công chứng bởi cơ quan công chứng Đại lục và xác minh bởi các tổ chức hoặc cơ quan được Chính phủ điều hành hoặc ủy quyền.
3. Chứng minh tài chính đủ để học tại Đài Loan.
4. Chứng nhận tư cách giám hộ tại Đài Loan.
5. Giấy ủy quyền của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp khác đã được xác minh bởi cơ quan đại diện tại nước ngoài, chỉ định người giám hộ tại Đài Loan.
6. Giấy đồng ý của người giám hộ tại Đài Loan, được công chứng bởi công chứng viên của Đài Loan.
7. Các tài liệu khác theo yêu cầu của trường.

Đối với các tài liệu trong khoản (4) đến (6) của mục đầu tiên, nếu sinh viên quốc tế đã đủ tuổi trưởng thành, thì không cần nộp.

Khi trường xem xét đơn xin nhập học của sinh viên quốc tế, nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về các tài liệu trong khoản (2), (3), và (7) chưa được xác minh bởi các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức được chỉ định bởi Chính phủ hoặc các tổ chức tư nhân được ủy quyền, trường có quyền yêu cầu xác minh. Các tài liệu đã được xác minh có thể yêu cầu trợ giúp để kiểm tra lại.

Điều 19

Theo quy định tại điều trước, người giám hộ tại Đài Loan phải là công dân Trung Hoa Dân Quốc có hộ khẩu tại Đài Loan, và phải cung cấp chứng nhận không có tiền án từ cơ quan công an, cũng như bảng kê chi tiết thu nhập cá nhân từ cơ quan thuế cho năm gần nhất, với tổng thu nhập đạt từ 900,000 Đài tệ trở lên. Theo quy định này, mỗi người giám hộ chỉ được phép giám hộ một sinh viên quốc tế tại Đài Loan. Tuy nhiên, đối với các hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị của các trường học, mỗi người có thể làm giám hộ cho tối đa 5 sinh viên quốc tế tại Đài Loan.

Điều 20

Sinh viên quốc tế đã có tư cách cư trú hợp pháp tại Đài Loan và muốn xin nhập học vào chương trình chuyên khoa 5 năm của trường, cần chuẩn bị các tài liệu sau và gửi trực tiếp đến trường để đăng ký. Sau khi hoàn tất quá trình kiểm tra và phê duyệt, sinh viên sẽ được nhập học:

1. Đơn xin nhập học.
2. Bản sao giấy tờ chứng nhận cư trú hợp pháp.

3. Giấy tờ chứng nhận học vấn:
 - 3.1 Đối với văn bằng từ Đại Lục: Cần tuân theo các quy định về công nhận văn bằng từ Đại Lục.
 - 3.2 Đối với văn bằng từ Hồng Kông và Ma Cao: Cần tuân theo các quy định về kiểm tra và công nhận văn bằng từ Hồng Kông và Ma Cao.
 - 3.3 Đối với văn bằng từ các khu vực khác:
 - 3.3.1 Văn bằng từ các trường Đài Loan ở nước ngoài và trường Đài thương tại Đại Lục được coi là tương đương với văn bằng của các trường tại Đài Loan.
 - 3.3.2 Văn bằng từ các khu vực nước ngoài khác cần phải được xác minh theo các quy định của Bộ Giáo dục về công nhận văn bằng quốc tế. Văn bằng từ các trường ở Đại Lục cũng cần được công chứng bởi cơ quan công chứng tại Đại Lục và xác minh bởi cơ quan được chỉ định hoặc các tổ chức dân sự do Chính phủ Đài Loan ủy quyền.

Khi trường chúng tôi xem xét đơn xin nhập học của sinh viên nước ngoài, nếu có nghi ngờ về các tài liệu chưa được cơ quan đại diện ở nước ngoài, cơ quan được thành lập hoặc chỉ định bởi Viện Hành chính, hoặc tổ chức dân sự được ủy quyền xác nhận, thì có thể yêu cầu xác nhận. Đối với các tài liệu đã được xác nhận, nếu vẫn còn nghi ngờ, trường có thể yêu cầu hỗ trợ để xác minh lại.

Điều 21

Nếu sinh viên quốc tế gặp phải tình huống như chiến tranh, thảm họa nghiêm trọng, hoặc dịch bệnh truyền nhiễm lớn xảy ra tại quốc gia của họ, khiến cho các trường học ở khu vực đó không thể hoạt động bình thường, thì chương trình chuyên khoa 5 năm của trường có thể tiếp nhận sinh viên theo hình thức đặc biệt sau khi được Bộ Giáo dục đồng ý.

Hình thức tuyển sinh đặc biệt này, nếu có số lượng sinh viên bổ sung, sẽ căn cứ vào nguyên tắc tăng thêm không quá 1% tổng số chỉ tiêu tuyển sinh của chương trình chuyên khoa 5 năm của trường.

Điều 22

Các khoản phí mà sinh viên quốc tế phải đóng khi học tại trường sẽ được xử lý theo các quy định sau:

1. Sinh viên nhập học theo các điều khoản của hai điều trên, bao gồm sinh viên được Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp học bổng Taiwan Scholarship thông qua các cơ quan đại diện của Đài Loan ở nước ngoài và những sinh viên có giấy phép cư trú vĩnh viễn tại Đài Loan, sẽ thực hiện theo mức phí do Bộ Giáo dục phê duyệt dựa trên quy định phí của sinh viên Đài Loan.
2. Sinh viên nhập học theo thỏa thuận hợp tác giáo dục sẽ tuân theo các quy định trong thỏa thuận đó.
3. Những sinh viên quốc tế còn lại, không thuộc hai nhóm trên, sẽ đóng học phí theo mức phí của sinh viên quốc tế do trường quy định, nhưng không được thấp hơn mức học phí của sinh viên Đài Loan tại trường.

Điều 23

Khi sinh viên quốc tế đăng ký nhập học, sinh viên mới phải cung cấp bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn có hiệu lực ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh vào Đài Loan. Sinh viên đang theo học tại trường phải cung cấp các giấy tờ chứng minh bảo hiểm liên quan như bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Nếu giấy tờ bảo hiểm là do tổ chức nước ngoài cấp, cần phải có xác nhận từ các cơ quan đại diện của Đài Loan.

Điều 24

Nếu sinh viên quốc tế vi phạm các quy định của Luật Dịch vụ Việc làm và việc này được xác minh là đúng, trường sẽ xử lý theo các quy định hiện hành.

Điều 25

Khi sinh viên quốc tế nghỉ học, bỏ học, thay đổi hoặc mất tư cách sinh viên, trường phải thông báo cho Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao và Cục Di dân Bộ Nội vụ tại nơi trường đóng trụ sở, đồng thời thông báo cho Bộ Giáo dục.

Điều 26

Trong suốt thời gian ở Đài Loan, sinh viên quốc tế ngoài việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật Đài Loan, còn phải tuân thủ các quy định liên quan của trường.

Điều 27

Những vấn đề chưa được quy định trong các điều khoản này sẽ được xử lý theo "Quy định về việc sinh viên quốc tế đến Đài Loan học tập" do Bộ Giáo dục ban hành và các quy định liên quan của trường.

Điều 28

Quy định này được thông qua bởi Ủy ban Tuyển sinh của trường và phải được Bộ Giáo dục phê duyệt trước khi có hiệu lực. Các sửa đổi sau này cũng sẽ theo quy trình tương tự.

Appendix 5: Chihlee University of Technology Regulations Regarding International Students Applying for Admissions

2005.06.01	Passed in the 4th Academic Affairs meeting for Academic Year 2004
2005.10.20	Amended in the 1st Academic Affairs meeting for Academic Year 2005
2005.11.17	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-Tzu-Ti No. 0940159119
2007.07.30	Amended in the 7th Academic Affairs meeting for Academic Year 2006
2007.10.18	Amended in the 2nd Academic Affairs meeting for Academic Year 2007
2007.10.26	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-Tzu-Ti No. 0960163993
2011.03.08	Amended in the 1st Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2011
2011.04.29	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-(2)-Tzu-Ti No. 1000069999
2012.11.23	Amended in the 1st Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2012
2013.01.04	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-(5)-Tzu-Ti No. 1020001502
2015.08.24	Amended in the 1st Administration meeting for Academic Year 2015
2017.10.05	Amended in the 3rd Administration meeting for Academic Year 2017
2018.01.05	Amended in the 3rd Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2017
2018.06.29	Amended in the 1st Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2018
2018.09.20	Amended in the 2nd Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2018
2018.10.26	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-(5)-Tzu-Ti No. 1070189455
2024.05.17	Amended in the 2 nd Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2018
2024.07.29	Amended in the 4 th Admissions and Recruitment for International Students Committee meeting for Academic Year 2018
2024.08.09	Ratified by Ministry of Education Tai-Wen-(5)-Tzu-Ti No. 1130080146

Article 1

For international students applying to Chihlee University of Technology (hereinafter referred to as the University), these Regulations are formulated in accordance with the Ministry of Education's (hereinafter referred to as the MOE) *Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan*, Article 3 of the University's *General School Regulations*, and Article 3 of the *Junior College Regulations*.

Article 2

A person of foreign nationality who has never held Republic of China ("R.O.C.") nationality and who meets the following requirements is permitted to apply for admission, in accordance with the provisions of these Regulations:

1. The person has never undertaken studies in Taiwan as an overseas Chinese student.
2. The person has not been given a placement in the current academic year by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in accordance with the Regulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan.

A person of foreign nationality who meets the following requirements and who in the immediate past has resided overseas continuously for at least six years is also permitted to apply for admission to an educational institution, in accordance with these Regulations. 1. A person who at the time of their application also holds dual R.O.C. nationality shall have never had household registration in Taiwan.

2. A person who before the time of their application also held dual R.O.C. nationality but no longer does at the time of their application shall have renounced their R.O.C. nationality with the approval of the Ministry of the Interior on a date at least eight full years before making their application.

3. A person referred to in either of the preceding two subparagraphs shall meet the requirements stipulated in Subparagraph 1 and Subparagraph 2 of the previous paragraph.

A foreign national who was selected by a foreign government, organization, or school to study in Taiwan in accordance with the Education Cooperation Framework Agreement, and who has never had household registration in Taiwan may be given exemption from the restrictions set out in the preceding two paragraphs if the competent education administrative authority gives approval.

The periods of six years and eight years stipulated in Paragraph 2 shall be calculated using the starting date of the semester (February 1, or August 1) as the end date of the period.

The term “overseas” used in Paragraph 2 refers to countries or regions other than the Mainland Area, Hong Kong, and Macau; the term “reside overseas continuously” means that an international student has stayed in Taiwan for no more than a total of 120 days in each calendar year. When calculating the number of consecutive years spent overseas, if the initial or final year of the period is not a complete calendar year, any time spent in Taiwan in the initial or final year must not exceed 120 days. However, time that a person has spent in Taiwan is not subject to this restriction and it is not counted when calculating how long they were in Taiwan in a particular year if the person has documentary proof that they:

1. attended an overseas youth training course organized by the Overseas Compatriot Affairs Council or a technical professional training program accredited by the MOE;

2. spent a total period of less than two years undertaking Chinese language classes at a Chinese language center at a university or tertiary college which has approval of the MOE to recruit students overseas;

3. spent a total period of less than two years in Taiwan as an exchange student; or

4. spent a total period of less than two years undertaking an internship that they came to Taiwan to undertake with the approval of the designated central competent authority.

A person who held both foreign and R.O.C. nationalities and applied for annulment of their R.O.C. nationality before the date of effect of the February 1, 2011 amendment to these Regulations may apply for admission as an international student in accordance with the provisions in place before the amendment and is not subject to the restrictions set out in Paragraph 2.

Article 3

An applicant of foreign nationality, who is eligible for permanent residence in Hong Kong or Macao, who has never had household registration in Taiwan, and who at the time of their application has resided in Hong Kong, Macao, or elsewhere overseas continuously for at least six years may apply for admission in accordance with the provisions of these Regulations.

The term “resided [...] continuously” in the preceding paragraph means that a person did not spend more than a total of 120 days in Taiwan in each calendar year. However, this restriction does not apply if a person can present documentary proof that any of the circumstances listed in Paragraph 5, Subparagraphs 1 to 4 of the previous article apply. The time that they spent in Taiwan in the ways listed is not counted when calculating the period of continuous residence referred to in the previous paragraph.

A person who was formerly from the Mainland Area and who has foreign nationality and has never had household registration in Taiwan, and who at the time of their application has resided overseas continuously for at least six years may apply for admission to an educational institution, in accordance with the provisions of these Regulations.

The term “resided [...] continuously” in the preceding paragraph means that a person did not spend more than a total of 120 days in Taiwan in each calendar year. However, this restriction does not apply if a person can present documentary proof that any of the circumstances listed in Paragraph 5, Subparagraphs 1 to 4 of the previous article apply. The time that they spent in Taiwan in the ways listed is not counted when calculating the period that they resided continuously overseas referred to in the previous paragraph.

The periods of six years and eight years stipulated in Paragraph 1 and in Paragraph 3 shall be calculated using the starting date of the semester (February 1, or August 1) as the end date of the period.

The definition of “overseas” given in Paragraph 5 of the previous article also applies, *mutatis mutandis*, to Paragraphs 1 to 4.

Article 4

An international student applying to study at an educational institution in Taiwan in accordance with the provisions of the two previous articles is limited to only applying once. If a student wants to continue studying in Taiwan, their application shall be handled in the same manner as the admission procedures for domestic students. However, this requirement does not apply to an international student in either of the following circumstances:

1. If an international student is applying for admission to a master's degree or higher level program after completing the course of study at the educational institution to which they originally applied, the University to which the student is now applying shall handle the application in accordance with its regulations;
2. If an international student applied to come to Taiwan to undertake a bachelor's degree or lower level program in Taiwan and after coming to Taiwan stayed for less than one year for some reason then discontinued their studies or forfeited their student status, that student may lodge another application to come to Taiwan to study, but only one such re-application is permitted.

If the University where an international student was studying considers that their conduct or academic performance was unsatisfactory, or if the student seriously violated any ordinances or the regulations of the University and the circumstances were serious and as a result, in accordance with the provisions of its regulations governing student awards and penalties had to discontinue their studies or forfeited their status as a registered student, the student is not permitted to re-apply to study in on the basis of the provisions of the previous paragraph.

Article 5

In principle, the actual number of places available for international students to be admitted to the University is limited to an additional ten percent above the admission quota that was approved for the University for the previous academic year by the MOE, and that number shall be incorporated into the total admission quota and reported to the MOE for approval. The University applying to recruit more than an additional ten percent shall submit a report of the planned increment (including associated quality control strategy and supportive measures) to the MOE for approval. Degree programs offered by collaborating domestic and foreign universities that have been approved on a case by case basis by the MOE are not subject to this restriction. The actual number of international students that may be admitted to a five-year program at a junior college is limited up to an additional ten percent above the admission quota that was approved for the University for the previous academic year that was approved by the MOE, and that number shall be included in the total number of students admitted for that academic year and be reported to the MOE for approval.

The University may augment the number of places available to international students by the number of places that were available to local students within the admission quota that was approved for the previous academic year and shall first report such an increase to the MOE for approval.

The admission quotas referred to in Paragraph 1 and Paragraph 2 do not include international students who are not officially registered as a current student.

Article 6

The University shall formulate the admission guidelines for international students that give details of its recruitment method(s), admission eligibility review procedure, the departments (programs) that may admit international students, teaching language(s) used by each of those departments (programs), student language proficiency criteria, the maximum number of years in which each program must be completed, admission quotas, eligibility criteria to apply for admission, proof of financial resources criteria, tuition and miscellaneous fee collection and refund criteria, information about scholarships and/or grants provided by the educational institution, and other related matters.

The University that handles the recruitment of international students are not permitted to commission any external institution, legal person, group, or individual to handle related matters except publicity and promotion, and to assist students coming to Taiwan undertake the necessary related procedures. In due course the University shall also verify whether any commissioned party has collected any unreasonable fees from international students, established any loan relationship with any international student, or whether any other violation of related ordinances has occurred, and when necessary, it may check details with international students who are applying for admission.

When the University handles matters related to the admission of international students itself or it commissions an external institution, legal person, group, or individual to do so, it is not permitted to provide any

information that is inconsistent with its admission regulations, admission guidelines, or any related regulations.

The University's approach to recruiting foreign students is to participate in the Taiwan Higher Education Expo and other related exhibitions, build a recruitment website, make recruitment videos and clips, produce multilingual brochures, utilize online social marketing channels, conduct academic exchanges and visits with partnership schools, conduct exchanges and visits with faculty and students from various countries and local high schools, and hold physical and online recruitment sessions.

Article 7

International students applying for admission to the University shall submit the following documents and apply directly to the Division of International and Cross-strait Affairs during its designated application period, and applicants who pass the review or screening process shall be graded by the departments (programs), approved by the Committee of Admissions and Recruitment, and issued an admission notice. The Division of International and Cross-Strait Affairs shall send the relevant documents of the admitted students to the Division of Academic Affairs for registration and other related matters:

1. An enrollment application form

2. Academic credentials:

(1) Academic credentials from the Mainland Area: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials for Mainland Area.

(2) Academic credentials from Hong Kong or Macao: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Governing the Examination and Recognition of Educational Qualifications from Hong Kong and Macao.

(3) Academic credentials from other areas:

A. Academic credentials issued by an Overseas Taiwan School or a school for Taiwan business people in the Mainland Area shall be regarded as equivalent to academic credentials issued by an educational institution of the same level in Taiwan.

B. Academic credentials from overseas other than those referred to the preceding two items shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education. However, academic credentials issued by a campus or branch that a foreign educational institution has established in the Mainland Area by a foreign educational institution shall be notarized by a notary public there and authenticated by an agency established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan.

3. Proof of applicant's having sufficient funds of at least TWD 100,000 or USD 3,000 to live on while studying in Taiwan, or proof of having a full scholarship or grant provided by a government, university, college, or private organization.

4. An international student shall submit the language proficiency certificate in accordance with the language of instruction of each department (program) listed in the admission handbook.

(1) Chinese taught departments (programs):

A. Proof of Chinese language proficiency equivalent to A2 or above on the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) is required for bachelor's program. Proof of Chinese language proficiency equivalent to B1 or above on the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) is required for master's program.

(2) English taught departments (programs) with adequate English-medium courses required for graduation:

A. Proof of English proficiency equivalent to CEFR B1 or above.

B. An International student with a foreign nationality in English-speaking countries is exempted from this submission. An international student who has obtained its previous degree in English-speaking countries or if the previous degree was taught entirely in English shall provide the relevant documents.

5. Other documents required by the University.

When the University reviews an international student's admission application, if any of the documents specified in Subparagraphs 2 and 4 of the preceding paragraph have not been authenticated by an overseas mission, or by an agency established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan, and the University has any doubts about them, it may request authentication by an overseas agency. If documents that have already been authenticated raise any doubts, the

University may request examination of the documents.

The admission notice referred to in Paragraph 1 shall set out in detail in both Chinese and English the name of the international student, the name of their program of study, the degree level, the language of instruction, the academic year of enrollment, the date the semester begins, the tuition and miscellaneous fee collection and refund criteria, any scholarship or grant awarded to the student, and any other pertinent information that international students must be notified of, and verify that international students studying in Taiwan understand their associated rights and obligations. The University may provide versions of these details in other mother languages of its international students.

Article 8

An international student who submits any certificate or document as part of their application for admission to an educational institution that is found to be forged, fabricated, or that has been altered in some way shall have their enrollment eligibility revoked. If the student has already registered and begun classes, their registration as a current student shall be cancelled and they will not be awarded any certification whatsoever regarding their related academic undertakings. If any such circumstances are first discovered after a student has already graduated, the University shall revoke the former student's eligibility to graduate and shall require any degree already awarded to be returned and shall rescind it.

Article 9

An international student who has completed a bachelor's degree or a higher degree in Taiwan and is applying to be admitted to do a master's degree program or a higher degree may submit copies of their graduation certificate from a university or tertiary college in Taiwan and transcripts for each year of their studies and apply in accordance with the provisions of Article 7 and is not subject to the provisions of Article 7, Paragraph 1, Item 2.

An international student who has graduated from a school for international residents in Taiwan, or from a bilingual division (program) affiliated to a domestic senior secondary school, or from a program offering a foreign curriculum at a division of a domestic private senior secondary school may submit copies of their graduation certificate, and their transcripts for each year, and apply for admission in accordance with the provisions of Article 7 and is not subject to the provisions of Article 4, Paragraph 1, or the provisions of Article 7, Paragraph 1, Subparagraph 2.

Article 10

The University that admits international students shall promptly register details of the following into the international student data management information system designated by the MOE: the international students admitted and registered, any transfer, deferral or abandonment of studies, and any change to or loss of student status.

Article 11

An international student is not permitted to apply to study any recurrent or continuing education bachelor's degree program or in-service master's degree program, or any other program which is only taught in the evening or during vacations at the University. However, an international student who already has legitimate resident status or who is undertaking a program approved on a case by case basis by the MOE is not subject to this restriction.

Article 12

An international student who reports to register at the University before it is already one-third of the way into the first semester of the current academic year shall be registered for the first semester. If it is already more than one-third of the way into the first semester, the international student shall register for the second semester or the next academic year. However, this restriction does not apply if the MOE has some provision that overrides it.

Article 13

An international student who with approval of the MOE is undertaking an internship after graduating from the University may have their international student status extended for up to one year after their graduation.

An international student who has been permitted to undertake initial household registration, resident registration, naturalization, or restoration of R.O.C. nationality procedures during the course of their studies in Taiwan will forfeit their international student status and shall be dismissed by the University. However, student whose application was handled in the same manner as the admission procedures for domestic students and who apply for naturalization to acquire the nationality of the ROC in accordance with Subparagraph 1 to 3, Paragraph 1, Article 4 of the Nationality Act is not subject to this requirement.

If an international student who studies in university or tertiary college in Taiwan want to transfer to the University, the University shall handle its admission in accordance with the Regulations Regarding Transfers of International Students and the admission quotas approved by the MOE. However, an international student who has been dismissed by the educational institution that admitted the student as a result of unsatisfactory conduct or of a conviction in criminal case proceedings is not permitted to transfer to the University.

Article 14

The University may sign an education cooperation agreement with a foreign educational institution and recruit and admit international exchange students, provided that this does not affect normal teaching. The University may also apply, *mutatis mutandis*, its own international student admission regulations to accept suitable international students as non-degree students.

Article 15

After enrollment, an international student may apply for scholarships to the Division of International and Cross-Strait Affairs in accordance with the Scholarship Establishment Regulations of the University.

Article 16

The University shall designate the Division of International and Cross-Strait Affairs to be responsible for handling international student admission applications, counselling, and liaison matters. The Division of International and Cross-Strait Affairs shall also boost the arrangement of homestay accommodation for international students, and of assistance for them to learn Mandarin Chinese and about Taiwan culture in order to better enhance their understanding of Taiwan.

At different times each academic year, the University shall organize counselling activities for international students or accelerate campus internationalization, to help to foster exchanges and interactions between local students and international students.

Article 17

A five-year program at a junior college that admits international students shall, apart from complying with the provisions of Article 20 when handling applications from international students who have legitimate resident status in Taiwan, prepare an international student recruitment plan and submit the plan to the competent education administrative authority for approval no later than November 30 each year, before recruitment may begin.

The plan referred to in the preceding paragraph shall include the establishment of a dedicated unit responsible for international students, planning to increase Chinese language and culture courses, and measures for arranging accommodation for international students.

Article 18

Unless otherwise specified in Article 20, an international student applying for admission to a five-year program at a junior college, shall directly apply to the University during its designated admission period and submit the following documents. If an applicant passes the review or screening process, the University will issue an admission notice.

1. An enrollment application form.

2. Academic credentials:

(1) Academic credentials from the Mainland Area: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials for Mainland Area.

(2) Academic credentials from Hong Kong or Macao: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Governing the Examination and Recognition of Educational Qualifications from Hong Kong and Macao.

(3) Academic credentials from other areas:

A. Academic credentials issued by an Overseas Taiwan School or a school for Taiwan business people in the Mainland Area shall be regarded as equivalent to academic credentials issued by an educational institution of the same level in Taiwan.

B. Academic credentials from overseas other than those referred to the preceding two items shall be handled in accordance with the relevant provisions of the applicable Ministry of Education regulations governing the assessment and recognition of international students' academic credentials and records. Academic credentials issued by a campus or branch of a foreign educational institution which it has established in the Mainland Area shall be notarized by a notary public office there and authenticated by an authority established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan.

3. Proof of applicant's having sufficient funds to live on while studying in Taiwan.

4. Documentary evidence of the eligibility of a guardian in Taiwan.
5. A power of attorney from the student's parents or other legal representative, which has been authenticated by an overseas mission, appointing the guardian in Taiwan.
6. A letter of agreement from the guardian in Taiwan which has been notarized by a notary public in Taiwan.
7. Any other documents required by the school, college, or university.

Adult international students are not required to submit the documents stipulated in Paragraph 1, Subparagraphs 4 to 6.

When the University is reviewing an international student's admission application, if any of the documents specified in Paragraph 1, Subparagraphs 2, 3, and 7 have not been authenticated by an overseas mission, or by an agency established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan, and the University has any doubts about them, it may request authentication by an overseas agency. If documents that have already been authenticated raise any doubts, the University may request examination of the documents.

Article 19

The guardian in Taiwan referred to in the preceding article shall be an R.O.C. citizen who has household registration in Taiwan and shall submit a Police Criminal Record Certificate, and an income tax inventory for the most recent year checked and issued by a taxation organization itemizing personal taxable income from all sources of at least TWD 900,000.

A person who satisfies the requirements prescribed in the preceding paragraph may serve as the guardian in Taiwan of only one international student. However, a school principal, or the chair of the board of directors of an incorporated school or a board member may act as the guardian in Taiwan of up to five international students.

Article 20

An international student who has legitimate resident status in Taiwan and is applying to study a five-year program at a junior college shall submit the following documents and apply directly to the University, and report to register there if their application is approved:

1. An enrollment application form;
2. A photocopy of a legitimate resident permit;
3. Academic credentials:

(1) Academic credentials from the Mainland Area: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials for Mainland Area.

(2) Academic credentials from Hong Kong or Macao: shall be handled in accordance with the provisions of the Regulations Governing the Examination and Recognition of Educational Qualifications from Hong Kong and Macao.

(3) Academic credentials from other areas:

A. Academic credentials issued by an Overseas Taiwan School or a school for Taiwan business people in the Mainland Area shall be regarded as equivalent to academic credentials issued by an educational institution of the same level in Taiwan.

B. Academic credentials from overseas other than those referred to the preceding two items shall be handled in accordance with the relevant provisions of the applicable Ministry of Education regulations governing the assessment and recognition of international students' academic credentials and records. Academic credentials issued by a campus or branch of a foreign educational institution which it has established in the Mainland Area shall be notarized by a notary public office there and authenticated by an authority established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan.

When the University is reviewing an international student's admission application, if any of the documents specified in Paragraph 1, Subparagraph 3 have not been authenticated by an overseas mission, or by an agency established or designated by the Executive Yuan, or by a private organization commissioned by the Executive Yuan, and the University has any doubts about them, it may request authentication by an overseas agency. If documents that have already been authenticated raise any doubts, the University may request examination of the documents.

Article 21

If a chaotic war situation, major disaster, or major epidemic occurs in the country of an international student, and educational institutions in the region become unable to operate normally as a result, that student's admission to junior college may be given special consideration on a case by case basis.

In principle, the additional student admission quota referred to in the previous paragraph for students given special consideration on a case by case basis shall be one percent of the total student recruitment quota approved for the University.

Article 22

The tuition related fees that international students in Taiwan shall pay are determined as stipulated below:

1. Students who have been admitted to study in Taiwan in accordance with the provisions of the previous two articles, or who have received a MOFA Taiwan Scholarship following recommendation by an overseas mission, or who have the status of permanent residents in Taiwan shall pay tuition and other fees in accordance with the standard fees that their educational institution applies to domestic students.
2. Students admitted in accordance with an education cooperation agreement shall pay their tuition and other fees as specified in the agreement.
3. If an international student is not covered by the provisions of either of the preceding two subparagraphs, the University may charge the student based on the standard tuition and other fees for international students that it has determined, and these are not permitted to be lower than the fees levied by the University at the same level.

Article 23

When a new international student registers, they shall submit proof of being covered by a medical and injury insurance policy which is valid for at least six months from the date that they entered Taiwan. Current students shall present documentary proof that they have joined Taiwan's National Health Insurance Plan. If the proof of insurance referred to in the previous paragraph was issued in a foreign country it shall be authenticated by an overseas mission.

Article 24

If an investigation verifies that an international student has violated the provisions of the Employment Services Act, the University shall immediately handle the matter in accordance with the regulations.

Article 25

If an international student defers or abandons their studies, or if there is any change to or loss of their student status, the University shall notify the Bureau of Consular Affairs of the Ministry of the Foreign Affairs, the service center(s) of the National Immigration Agency of the Ministry of the Interior where the University is located, and send copies of these notifications to the Ministry of Education.

Article 26

An international student shall abide by the laws of the Republic of China ("R.O.C.") and the rules and regulations of the University.

Article 27

Any matters not stipulated in these Regulations shall be handled in accordance with the Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan of the MOE and the rules and regulations of the University.

Article 28

The Regulations are passed by the Committee of Admissions and Recruitment for International Students of the University, submitted to and implemented upon approval by the MOE. Any amendments shall be processed accordingly.

附件六 Phụ lục 6

考生申訴書 Complaint Form

致理科技大學 2025 年產學合作國際專班秋季班申請入學			
考生申訴書 Đơn khiếu nại Complaint Form			
考生姓名 Họ tên Name		聯絡電話 Số điện thoại Telephone number	
報名系別 Ngành đăng ký Department			
通訊地址 Địa chỉ liên lạc Address			
申訴事由 Lý do khiếu nại Reason for Complaint			
具體建議 Góp ý cụ thể Suggestions:			
申訴人簽章 Người khiếu nại Ký & ghi rõ họ tên Applicant : Signature			
申訴日期 Ngày làm đơn Date of Complaint : 年 năm Year 月 tháng Month 日 ngày Day			